|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**  Số:   /BC-UBND  [Dự Thảo] | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Long Thành, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về y tế năm 2024 đối với xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;

Căn cứ Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025

Căn cứ văn bản số 08/HD-BCĐ ngày 10/8/2023 của Ban chỉ đạo Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai về việc Hướng dẫn thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình An tại Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Bình An đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Bình An do các phòng, ban phụ trách và đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số /Tr-PKT ngày tháng năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về y tế năm 2024 đối với xã Bình An, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 12/7/2021 đến ngày 22/7/2024):

**Về hồ sơ:**

Trong quá trình thực hiện xây dựng hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao, UBND xã Phước Thái đã lập, hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá đối với từng tiêu chí XDNTM trên địa bàn đúng theo yêu cầu, được thể hiện rõ gồm:

- Biên bản về việc họp đề nghị xét công nhận xã Bình An đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 (bản chính).

- Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 25/6/2024 của UBND xã Bình An về kết quả xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Bình An, huyện Long Thànht, tỉnh Đồng Nai có biểu tổng hợp kết quả thực hiện các Bộ tiêu chí kèm (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu).

- Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 24/6/2024 của UBND xã Bình An tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về y tế năm 2024 của xã Bình An (bản chính).

- Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 13/6/2024 của UBND xã Bình An về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Bình An (bản chính).

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của xã Bình An

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Sau khi được UBND tỉnh công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020; Đảng uỷ, HĐND, UBND xã luôn xác định đây chỉ là thành quả bước đầu trong công cuộc xây dựng NTM với mục đích là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, thay đổi bộ mặt nông thôn theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại…. Do đó Đảng uỷ đã ban hành Nghị quyết chuyên đề giai đoạn tiếp theo, nghị quyết hàng năm về thực hiện nông thôn mới. Theo đó UBND xã, các ban ngành đoàn thể xã đã ban hành kế hoạch, chương trình cụ thể để triển khai thực hiện.

Năm 2022, khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, Ban chỉ đạo xã, UBND xã đã thực hiện rà soát, đánh giá sơ bộ kết quả hiện trạng trên địa bàn xã theo các Bộ tiêu chí này, xác định những nội dung địa phương hiện đang giữ vững, những nội dung chưa có hoặc chưa đạt được để từ đó triển khai thực hiện bổ sung những nội dung này cho phù hợp với các Bộ tiêu chí mới ban hành. Căn cứ theo Bộ tiêu chí đến năm 2025 do tỉnh Đồng Nai ban hành, địa phương xác định mục tiêu cụ thể để phấn đấu cho từng nội dung, lĩnh vực.

Bên cạnh đó, để công tác lãnh đạo chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã, Đảng uỷ đã ban hành 04 Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định, Quy chế hoạt động và 25 văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới từ năm 2019 đến nay. Hằng tháng tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, giải quyết vướng mắc và phương hướng thực hiện thời gian tới. Đồng thời chỉ đạo HĐND, Mặt trận tổ chức tuyên truyền vận động, giám sát theo chuyên đề kết quả thực hiện nghị quyết.

Dựa vào Nghị quyết, Kế hoạch, chương trình của huyện ủy, UBND huyện và Đảng ủy xã; UBND xã đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch và 55 văn bản để cụ thể hóa chủ trương và tổ chức xây dựng nông thôn mới. UBND chỉ đạo các đơn vị chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giải pháp Nghị quyết đề ra; HĐND tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, các lĩnh vực chuyên ngành và chuyên đề về nông thôn mới ở xã.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng thực hiện các kế hoạch, đề án của đơn vị cấp trên; Hàng năm, ban hành kế hoạch chi tiết làm cơ sở triển khai thực hiện; do đó đã làm tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nông thôn mới và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và phong trào “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” được hưởng ứng và tổ chức thực hiện nghiêm túc đã đem lại nhiều kết quả tích cực.

Hàng quý, 06 tháng và 09 tháng, hàng năm, Ban chỉ đạo xã thực hiện việc kiểm tra cụ thể kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã theo yêu cầu quy định của từng tiêu chí, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, những đề xuất, kiến nghị của nhân dân để sớm có biện pháp giải quyết, khắc phục. Tiến hành sơ, tổng kết hàng năm để đánh giá kết quả, đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Cùng với đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đẩy mạnh công tác tuyên truyền phong trào xây dựng nông thôn mới đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đảng ủy, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã và Ban phát triển các ấp đã phát huy vai trò lãnh đạo trong ổn định và phát triển sản xuất, giữ vững kỷ cương, bảo đảm an ninh chính trị, nâng cao thu nhập của người dân. Nông dân được hướng dẫn và hỗ trợ phát triển sản xuất, hướng dẫn nông dân về đào tạo nghề, chia sẽ kinh nghiệm từ các tổ hợp tác trong cách làm ăn, sản xuất, gắn với bảo vệ môi trường. Đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứngyêu cầu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

**3.** Xã Bình Anđược UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2014 tại Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai và công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020 tại Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 15/03/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**4. Về Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu**

**4.1.** Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá giữ vững xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 19/19 tiêu chí, 76/76 chỉ tiêu, đạt 100%, cụ thể:

**1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đại phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*Chỉ tiêu 1.1 Có Quy hoạch chung xây dựng của xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) hoặc quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030; Và quy hoạch được công bố công khai đúng thời hạn để người dân biết và thực hiện.

- Có Quy hoạch chung xây dựng của xã được phê duyệt tại 5910/QĐ-UBND ngày 29/06/2022 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, huyện Long Thành , tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 (HS minh chứng gồm QĐ, bản đồ quy hoạch, NQ hội đồng nhân dân, tờ trình UBND xã, biên bản làm việc, báo cáo thẩm định của UB xã, thông báo, niêm yết công khai quy hoạch…).

*Chỉ tiêu 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch*

Có quy định quản lý quy hoạch được ban hành và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Nội dung thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và phải có các sơ đồ kèm theo (theo Khoản 4, Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Đối với quy hoạch chung xây dựng xã, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch theo khoản 1, điều 20 nghị định 44/2015/NĐ-CP các nội dung chủ yếu sau:

a) Ranh giới, phạm vi, tính chất xã.

b) Kiểm soát không gian, kiến trúc các phân khu chức năng và công trình trọng điểm: Cơ quan hành chính xã, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ.

c) Chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường trục chính xã, liên thôn xóm, trục chính thôn xóm, cốt xây dựng khống chế.

d) Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường.

đ) Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan.

**-** Bản đồ quy hoạch chung của xã đảm bảo các nội dung trên. Có bản đồ kèm theo.

*Chỉ tiêu 1.3 Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.*

- Có Quy hoạch chung xây dựng của xã được phê duyệt tại quyết định số 7569/QĐ-UBND ngày 29/07/2023 của UBND huyện Long Thành về việc triển khai Nghị Quyết số 16/NQ - HĐND ngày 19/07/2023 của HĐND huyện Long Thành về chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm B trên địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (trong đó có dự án Trụ sở hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Bình An)

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**2. Tiêu chí số 2: Giao thông**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm; có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…), đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt ≥ 70%; sáng, xanh, sạch, đẹp đạt ≥ 95%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt ≥ 50%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Về đường xã:* Trên địa bàn xã Bình An có 06 tuyến đường trục xã, liên xã với tổng chiều dài khoảng 12.547 km. Trong đó:

- Số km được đã nhựa hóa 12.547 km/12.547 km đạt tỷ lệ 100 %.

- Số km được bảo trì hàng năm đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 12.547 km/12.547 km đạt tỉ lệ 100%:

- Số km có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định: 12.547 km/12.547 km đạt tỉ lệ 100 %:

- *Về đường ấp và đường liên ấp:* Trên địa bàn xã Bình An có 37 tuyến đường ấp và liên ấp với tổng chiều dài khoảng 11.147 km. Trong đó:

- Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm:

- Số km được đã nhựa hóa và BTXM và bảo trì hàng năm: 38/38 tuyến, tương ứng với chiều dài là 11.147 km/11.147 km đạt tỷ lệ 100 %.

- Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Số km có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định 11.147 km/11.147 km đạt tỉ lệ 100%.

- Được bảo trì hàng năm : 11.147 km/11.147 km, đạt tỉ lệ 100%.

- Đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 11.147 km/11.147 km, đạt tỉ lệ 100%.

*- Về đường ngõ, xóm:* Xã Bình An có 61 tuyến đường ngõ, xóm với tổng chiều dài khoảng 18.648 km. Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay như sau:

+ Nhựa hóa 8/61 tuyến đường dài 3.233km, chiếm tỷ lệ 17,3%.

+ Bê tông xi măng hóa 53/61 tuyến đường dài 15.415km, chiếm 82,7%.

Trên địa bàn xã có 18.648 km/18.648 km, đạt tỷ lệ 100%, tuyến đường ngõ, xóm đảm bảo chỉ tiêu Sáng- xanh- sạch- đẹp.

*- Về đường trục chính nội đồng:* Xã Bình An có 10 tuyến đường trục chính nội đồng, với tổng chiều dài 9.04 km. Đến nay, đã hoàn thành cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 07/10 tuyến đường với tổng chiều dài 4.76 km/9.04 km, đạt tỷ lệ 52%.

Các tuyến đường trục chính nội đồng nêu trên đến nay đều được cứng hóa (cấp phối), đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

Hiện, UBND huyện Long Thành đã được phân bổ nguồn vốn đầu tư xây dựng các tuyến trục đường chính nội đồng trên địa bàn xã Bình An theo quyết định 363/QĐ-STC ngày 12/12/2023 của Sở Tài chính.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**3. Tiêu chí số 3: Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ≥ 95%.

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2022 ≥ 55%

- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Hằng năm UBND xã đều phối hợp các ban ngành đoàn thể của xã vận động, cùng nhân dân thực hiện kiểm tra, dọn dẹp, nạo vét các mương nhằm tiêu thoát nước, tránh tình trạng ngập úng vào mùa mưa, đồng thời thường xuyên kiểm tra tình hình nguồn nước từ các ao hồ, suối, giếng đào, giếng khoan, diển biến thời tiết để kịp thời thông báo cho nhân dân chủ động , phòng chống thiên tai, triển khai các phương án PCTT trên địa bàn nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra và đảm bảo nguồn nước cung cấp đầy đủ phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong mùa khô.

Về công trình tưới: Trên địa bàn xã có 02 công trình thủy lợi: đập tràng Sa Cá, đập dân Bàu Tre. Các công trình thuỷ trên địa bàn xã do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Long Thành quản lý. Hàng năm, Trung tâm DVNN huyện đều xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa thường xuyên, bảo trì các công trình thuỷ lợi với các công việc như nạo vét, sơn, thay nhớt hệ thống cửa đập...Trước các mùa mưa lớn hàng năm, tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, nhằm gia cố, bảo đảm công trình hoạt động tốt trong công tác điều tiết nước cũng như phòng, chống công trình bị hư hỏng do thiên tai, ảnh hưởng đến tài sản và tình hình SXNN của người dân.

UBND xã đã thành lập 06 Tổ hợp tác dùng nước tại 02 công trình thuỷ lợi trên địa bàn xã. Định kỳ hàng năm UBND xã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện tổ chức kiểm tra, kiểm soát nguồn nước xả thải vào các công trình thuỷ lợi, đặc biệt là những hộ chăn nuôi giáp suối, gần công trình thuỷ lợi. Qua kiểm tra, không có trường hợp hộ gia đình/cá nhân/tổ chức nào vi phạm.

Về công trình phục vụ tiêu nước: trên địa bàn xã không có công trình tiêu thoát nước, các hộ gia đình sinh hoạt và SXNN tiêu thoát nước tự nhiên qua hệ thống kênh, mương, suối, hầm chứa nước sinh hoạt.

*- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:*

\* Về tưới:

- Tổng diện tích theo kế hoạch sản xuất 03 vụ là 704.14 ha; trong đó:

+ Diện tích cây trồng ít sử dụng nước tưới không nằm trong kế hoạch tưới chủ động (03 vụ): 45.9 ha.

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp gieo trồng theo kế hoạch (03 vụ) cần tưới chủ động: 704.14 ha (gồm 139.22 ha cây hàng năm, 229.63 ha đất phi nông nghiệp và 139.22 đất cây lâu năm).

- Diện tích được tưới chủ động là 139.22 ha/139.22 ha, đạt tỷ lệ 100 %; trong đó: tưới từ công trình thuỷ lợi 34.21 ha (chiếm 24.6 % tổng diện tích được tưới), tưới từ nguồn khác (giếng khoan, giếng đào, bơm tưới từ hệ thống ao hồ...) 100.28 ha (chiếm 72.0 % tổng diện tích được tưới).

- Diện tích 4.73 ha còn lại thường bị thiếu nước vào mùa khô (vụ Đông Xuân) chủ yếu là diện tích sản xuất cây hàng năm tại khu vực cánh đồng Sa Cá, Bàu Tre. Do vào thời điểm này trong năm thường diễn ra nắng nóng kéo dài do đó thường bị thiếu nước vào thời điểm này, người dân chủ động chuyển đổi cây trồng hoặc bỏ đất trồng chờ thời điểm gieo trồng phù hợp.

\* Về tiêu:

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: 699.41/704.14 ha đạt 99.3%; trong đó diện tích 335.29 ha cây hàng năm, 229.63 ha đất phi nông nghiệp và 139.22 đất cây lâu năm.

- 4.73 ha còn lại là khu vực có nguy cơ xảy ra ngập úng khi mưa lớn kéo dài (khu vực ấp Sa Cá) thuộc diện tích đất SXNN do những khu vực này thuộc hạ lưu nên khi mưa lớn dễ bị ngập, thời gian ngập thường kéo dài 15-20 phút sau khi trời ngưng mưa.

*- Chỉ tiêu 3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:*

Công trình phục vụ tưới: Hiện trên địa bàn xã có 02 công trình thủy lợi là đập đập Sa Cá và Bàu Tre, ngoài người dân chủ yếu tưới từ các nguồn như là: giếng khoan, giếng đào.

Tổng diện tích tưới tiêu năm 2024: 600,79ha, trong đó:

\* Vụ Đông Xuân 2023-2024: 128,37ha

- Đập Sa Cá: 128,37ha,Lúa: 68,01ha, Rau màu: 14,64ha,Cây ăn trái cây CNDN: 45,72ha

- Đập Bàu Tre: không phục vụ: Vụ Hè Thu 2024: 236,21ha

- Đập Sa Cá: 128,37ha, Lúa: 68,01ha, Rau màu: 14,64ha, Cây ăn trái cây CNDN: 45,72ha

- Đập Bàu Tre: 107,84ha, Lúa: 65,63ha, Cây ăn trái cây CNDN: 42,21ha

\* Vụ Mùa 2024: 236,21ha

- Đập Sa Cá: 128,37ha, Lúa: 68,01ha, Rau màu: 14,64ha, Cây ăn trái cây CNDN: 45,72ha

- Đập Bàu Tre: 107,84ha, Lúa: 65,63ha, Cây ăn trái cây CNDN: 42,21ha

Công trình phục vụ tiêu nước: Diện tích đất tự nhiên: 2.910,15 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp: 2.680,52 ha; diện tích đất phi nông nghiệp 229,63 ha.

- Với 600,79 ha (Qua theo dõi công tác phòng chống thiên tai hàng năm trên địa bàn không xảy ra tình trạng ngập úng gây ảnh hưởng đến sản xuất đời sống người dân nên chỉ tiêu đánh giá đạt.

Bên cạnh đó, công trình thủy lợi còn do Trung tâm DVNN huyện quản lý, hàng Quý trong mỗi năm, Trung tâm đều ký Hợp đồng giao khoán công việc cho các THT dùng nước thực hiện nhiệm vụ theo dõi, điều tiết nước, dọn dẹp vệ sinh, bảo vệ công trình thủy lợi. Hàng năm, Trung tâm đều xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thuỷ lợi với các hạng mục cần nguồn vốn đầu tư lớn mà THT dùng nước không thể thực hiện được như: sơn, sửa, thay nhớt, sửa chữa hư hỏng (nếu có); tổ chức kiểm tra các công trình trước mùa mưa bão.

*- Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:*

Căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .../.../20... của UBND huyện Long Thành về việc ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp xã; trong đó, về lĩnh vực trồng trọt, trên địa bàn xã Bình An không có cây trồng chủ lực do quy hoạch theo hướng công nghiệp, dịch vụ, đô thị.

*- Chỉ tiêu 3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm:*

+ Thủy lợi nhỏ: Trên địa bàn xã có 02 công trình thủy lợi là đập Sa Cá và đập Bàu Tre. Các công trình do Trung tâm DVNN huyện quản lý, đồng thời UBND xã cũng thành lập các THT dùng nước tại các công trình. Hàng năm, Trung tâm DVNN huyện và các THT dùng nước đều xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch cấp tưới, tiêu, nạo vét, dọn dẹp vệ sinh, bảo đảm an toàn công trình thuỷ lợi; kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thuỷ lợi, kiểm tra các công trình trước, trong và sau mùa mưa...

+ Thủy lợi nội đồng: Hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn xã do Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi huyện quản lý, có tổng chiều dài cần kiên cố hoá nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp tại các cánh đồng trên địa bàn xã là 9.04 km, đã kiên cố hóa 9.04 km, đạt 100%.

*- Chỉ tiêu 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:*

UBND xã thường xuyên kết hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện thực hiện kiểm tra, kiểm soát các nguồn nước xả vào các công trình thủy lợi trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, UBND xã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, nhắc nhở các hộ dân khu vực xung quanh công trình thủy lợi về việc không xả nước thải ô nhiễm vào công trình.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, phối hợp với Trung tâm DVNN tổ chức 02 đợt kiểm tra vào tháng 03 và tháng 06/2024; đồng thời UBND xã tổ chức kiểm tra định kỳ hàng tháng. Qua kiểm tra, chưa phát hiện trường hợp vi phạm xả thải ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi.

*- Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:*

Căn cứ Bảng điểm đánh giá về kết quả PCTT theo Hướng dẫn số 2455/HD-SNN ngày 31/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai, kết quả triển khai công tác PCTT-TKCN trên địa bàn xã đạt 82/100 điểm, đạt loại: Khá; đảm bảo tất cả các mục yêu cầu cần phải “có” cụ thể:

+ Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã được thành lập và kiện toàn hàng năm (Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND xã...).

+ Có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của BCH PCTT&TKCN cấp xã (Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND xã).

+ Có thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định (Quyết định số 64/QĐ-BCH ngày 29/05/2023 của Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã).

+ Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt (Kế hoạch số 23/KH-BCH PCTT ngày 29/05/2023 của Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã).

+ Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai (Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã có xác định cụ thể vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai trên địa bàn xã: 03 khu vực là ấp Bàu Tre, ấp An Bình và chợ An Viễng...)

+ Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương (Phương án phòng, tránh, ứng phó khi xảy ra bão lũ thiên tai; Phương án phòng, chống, ứng phó với bão mạnh, siêu bão; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro; Phương án PCCC rừng mùa khô,…).

+ Có 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo (02/02 khu vực).

Ngoài ra:

+ UBND xã thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Tính đến năm 2023, các thành viên Ban chỉ huy xã, các thành viên Đội xung kích xã được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ; đồng thời hàng năm tổ chức triển khai, nâng cao kiến thức, kỹ năng về PCTT cho người dân trên địa bàn xã.

+ UBND xã thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất, phát triển dân sinh-kinh tế-xã hội-môi trường; xã có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai theo 02 phương thức là truyền thanh hữu tuyến (truyền thanh có dây) và truyền thanh vô tuyến (truyền thanh không dây phát sóng FM) phủ sóng đều ở 04/04 ấp, đảm bảo 100% hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ; 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**4. Tiêu chí số 4: Điện**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Hệ thống điện đạt chuẩn (QĐ 09).

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Hiện trạng lưới điện trên địa bàn xã Bình An đến tháng 5/2024:

- Đường dây trung thế 01 pha: 7.430 Km;

- Đường dây trung thế 03 pha: 14.550 Km;

- Đường dây hạ thế 01 pha dài: 14.450 Km;

- Đường dây hạ thế 03 pha dài: 5.690 Km;

- Trạm biến áp: 31 Trạm;

- Tổng dung lượng: 4.513 KvA;

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn:

- Tỷ lệ hộ dân trên địa bàn xã sử dụng điện lưới quốc gia là 2.762/2.762 hộ đạt 100%.

- Đối với khu vực sử dụng nguồn từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập: Hiện nay trên địa bàn xã Bình An không có hộ dân nào sử dụng điện từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập và các nguồn điện khác…

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**5. Tiêu chí số 05: Giáo dục**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại Khá trở lên.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) ≥ 90% (chỉ tiêu 14.2 QĐ 09).

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Xác định giáo dục là một trong những tiêu chí then chốt trong thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, những năm qua, xã Bình An đã tập trung đồng bộ nhiều giải pháp để có bước phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục; chỉ đạo các trường lập đề án, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Sau 4 năm thực hiện chương trình, Xã đã được huyện đầu tư tu bổ, sửa chữa trường lớp đối với các trường THCS, tiểu học cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp các phòng học, phòng bộ môn, các phòng làm việc, phòng chức năng và cải tạo khuôn viên cảnh quan nhà trường. Qua rà soát, đến nay toàn xã duy trì giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xây dựng các mô hình giáo dục thể chất, mục đích nâng cao sức khỏe cho các em trên ghế nhà trường, xây dựng thế hệ tương lai khỏe mạnh cho đất nước.

*- Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất:*

- Xã Bình An có 03 trường, gồm 01 trường Mầm non; 01 trường tiểu học, 01 trường THCS các Trường đều đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 1. Các trường đều xây dựng khang trang, đầy đủ các phòng học, các phòng chức năng, phòng làm việc đáp ứng được yêu cầu dạy và học; các trường đều nằm tại trung tâm khu dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường; khuôn viên trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có đủ phòng chức năng, có nguồn nước sạch, đầy đủ các phương tiện dạy và học đạt yêu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo chuẩn quốc gia cụ thể như sau cụ thể:

+ Trường Mầm non Bình An:

Trường được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Tên: Trường Mầm Non An Viễng sau khi sát nhập với Trường Mẫu Giáo Bình An lấy tên Trường Mầm Non Bình An, Thửa đất số: 11 tờ bản đồ số: 27; Tổng diện tích khuôn viên 7408,8 m2.Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai. Quyết định số 1218/QĐ-SGDDT ngày 14/12/2020 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc cấp Chứng nhận Trường Mầm non Bình An đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. Tổng số học sinh là 330 em. Trường được xây dựng kiên cố, gồm 12 nhóm lớp và đầy đủ các phòng chức năng, phòng làm việc, đáp ứng nhu cầu dạy và học.

+ Trường Tiểu học Bình An:

Trường được cấp giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc Trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp. Thửa đất số: 423a tờ bản đồ số: 11; Tổng diện tích khuôn viên 2.263,0m2. Diện tích toàn trường: 9.938m2, bình quân 4,68 m2 /học sinh. Có 20 Điểm Trường; Điểm chính đạt tại Tỉnh Lộ 769 thuộc xã Bình An với diện tích: 7.675 m2; Điểm phụ đạt tại khu Dân cư Ấp Sa Cá với diện tích 2.263 m2.

Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai. Quyết định công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 07/8/2020của UBND tỉnh Đồng Nai. Quyết định số 517/QĐ-SGDDT ngày 07/7/2020 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc cấp Chứng nhận Trường Mầm non Bình An đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. Hiện Trường đã có văn bản số 28/THBA ngày 08/4/2024 về việc rà soát cơ sở vật chất tại Trường theo chuản Quốc gia mức độ 2. Tổng số học sinh là 760 em. Trường được xây dựng kiên cố, gồm 22 phòng học và đầy đủ các phòng chức năng, phòng làm việc, đáp ứng nhu cầu dạy và học.

+ Trường THCS Bình An: Trường được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 227/QĐ-TC ngày 18/8/1998 do Sở Giáo dục và đào tạo Đồng Nai cấp. Thửa đất số: 588 tờ bản đồ số: 02; Tổng diện tích khuôn viên 12.078,0m2.

Diện tích sân chơi, bãi tập: 800m2; trong đó diện tích sân chơi: 600m2, diện tích bãi tập: 200m2. Số phòng học: 18 phòng, số lớp 13 lớp. Tổng số học sinh: 758 em.

Trường được cấp giấy chứng nhận Trường THCS đạt kiểm định chất lượng giáo dục số 1232 của Sở Giáo dục Đồng Nai ngày 16/12/2020 và Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về công nhận Trường THCS Bình An đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Trường được xây dựng kiên cố, gồm 18 phòng học và đầy đủ các phòng chức năng, phòng làm việc, đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và học sinh.

*- Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:*

\* Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 124/124 tỉ lệ 100%

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 164/164, đạt 100%

- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 396, ra lớp: 396; Tỉ lệ: 100% trong đó trẻ học tại địa bàn là 303 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 193 trẻ.

- Tổng số trẻ 0-2 tuổi: 234, ra lớp: 82; Tỉ lệ: 35% trong đó trẻ học tại địa bàn là 16 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 66 trẻ.

*- Chỉ tiêu 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS:*

- Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: 164/164 đạt tỉ lệ 100%

- Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học 21-22) 168, đạt tỉ lệ 100%

- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 21-22): 548 đạt tỉ lệ 99,46%. Trong đó số trẻ em 14 tuổi: 128; hoàn thành chương trình tiểu học: 128; Tỉ lệ 100%

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 632; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 21-22): 603; Tỉ lệ 95,4%

*- Chỉ tiêu 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ:*

\* Hồ sơ kèm theo gồm:

- Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND huyện V/v Công nhận kết quả PCGD-XMC năm 2023 trên địa bàn huyện Long Thành.

- Bảng thống kê dân số trên địa bàn chia theo từng độ tuổi.

- Danh sách trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã: 164 em; danh sách học sinh 6 tuổi học lớp 1 tại các trường trên địa bàn xã: 164 em (có xác nhận của trường và địa phương)

- Danh sách trẻ từ 3-5 tuổi trên địa bàn xã: 396 em; danh sách trẻ học mẫu giáo tại các trường trên địa bàn xã: 303 em (có xác nhận của trường và địa phương)

- Danh sách trẻ từ 0-2 tuổi trên địa bàn xã: 234 em; danh sách trẻ học nhà trẻ tại các trường trên địa bàn xã: 16 em. (có xác nhận của trường và địa phương)

- Danh sách học sinh trên địa bàn xã đang đi học chia theo từng nhóm độ tuổi: Từ 12 đến 36 tháng tuổi; 341 em, từ 3 đến 5 tuổi: 396 em, từ 6 đến 10 tuổi:799 em, 11 đến 15 tuổi: 548 em, 16 đến 18 tuổi: 473 em.

- Danh sách học sinh tốt nghiệp THCS trên địa bàn xã; danh sách học sinh trên địa bàn xã đang học tại các trường THPT, GDTX, trung cấp …) (có xác nhận của trường và địa phương)

*- Chỉ tiêu 5.5: Đánh giá, xếp loại cộng đồng học tập cấp xã:*

- Quyết định công nhận Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã: theo Quyết định về việc công nhận kết quả đáng giá, xếp loại Cộng đồng học tập năm 2023 của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành.

- Quyết định số: 3668/QĐ-UBND, ngày 14/4/2023 V/v công nhận Trung tâm văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng các xã, thị trấn, Trung tâm văn hóa, Thống tin và Thể thao huyện hoạt động hiệu quả năm 2023;

*- Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền:*

- Các trường đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục thể chất cho học sinh; Trường mầm non thường xuyên duy trì cho các cháu tập thể dục buổi sáng theo kế hoạch cụ thể theo từng chủ đề trong năm học; các trường phổ thông luôn chú trọng tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất, rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền cho học sinh, các trường đã thành lập các câu lạc bộ thể thao như cầu lông, bóng đá, cho các em tham gia hoạt động, thu hút đông đảo các em tham gia và ngày càng mang lại hiệu quả cao.

- Ngoài ra, Trung tâm Văn hóa thể thao và Học tập cộng đồng xã đã thành lập được 02 câu lạc bộ võ thuật cho học sinh, các câu lạc bộ này duy trì hoạt động thường xuyên và có hiệu quả; mỗi câu lạc bộ:

+ Có cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên (theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT).

+ Có hồ sơ hoạt động của các câu lạc bộ đạt hiệu quả thiết thực, thu hút được nhiều học sinh tham gia (kế hoạch hoạt động, danh sách thành viên câu lạc bộ, thời gian, địa điểm sinh hoạt câu lạc bộ...); kế hoạch phân công giáo viên (huấn luyện viên) hướng dẫn, quản lý duy trì hoạt động của câu lạc bộ.

Hồ sơ kèm theo: Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện Mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền; biên bản kiểm tra, hồ sơ, tài liệu minh chứng (cơ sở vật chất, dụng cụ thể dục thể thao, quyết định thành lập câu lạc bộ, danh sách thành viên câu lạc bộ, danh sách giáo viên, huấn luyện viên, kế hoạch hoạt động…).

- Chỉ tiêu 14.2 (QĐ 09): Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp):

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp đạt 100% (134/134 học sinh tốt nghiệp THCS).

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**6. Tiêu chí số 06: Văn hoá**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí:**

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%.

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (QĐ 09).

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (QĐ 09).

- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (QĐ 09) đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa ≥ 90% (QĐ 09).

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên:*

Xã Bình An có 04 ấp: ấp An Viễng, ấp An Bình ấp Bàu Tre và ấp Sa Cá. 04/04 ấp đều đã được trang bị dụng cụ thể thao đặt tại 04 Nhà văn hóa ấp, Trung tâm Văn hoá TT-HTCĐ xã, thuận tiện cho việc luyện tập thể dục thể thao của người dân.

**\* Đối với Trung tâm VHTT-HTCĐ xã:**

- Điểm bên trong sân của Trung tâm VHTT-HTCĐ xã đã lắp đặt 06 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời nhằm phục vụ người lớn, trẻ em vui chơi giải trí và tập luyện thể dục thể thao. Gồm các bộ dụng cụ: 05 bộ

+ Máy đi bộ lắc tay ngoài trời.

+ Xà đơn.

+ Máy tập cơ đùi.

+ Máy tập lắc hông.

+ Dụng cụ tập đi bộ trên không.

+ Xà kép

- Điểm vui chơi trẻ em đặt tại Đường Điểm Ấp An Bình UBND xã lắp đặt từ 18 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời nhằm phục vụ người lớn, trẻ em vui chơi giải trí và tập luyện thể dục thể thao. Gồm các bộ dụng cụ: 03 bộ

+ Máy tập xoay eo.

+ Cụm đạp xe, xoay eo, đi bộ.

**\* Đối với Nhà văn hóa ấp:**

**- Nhà Văn hóa An Bình:** Điểm bên trong sân và bên ngoài của Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4 đã lắp đặt 04 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời nhằm phục vụ người lớn, trẻ em vui chơi giải trí và tập luyện thể dục thể thao. Gồm các bộ dụng cụ:

+ Máy tập xoay eo.

+ Máy đi bộ lắc tay ngoài trời.

+ Dụng cụ tập đi bộ trên không.

+ Xà đơn, Xà kép

**- Nhà Văn hóa An Viễng:** Điểm bên trong sân và bên ngoài của Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4 đã lắp đặt 04 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời nhằm phục vụ người lớn, trẻ em vui chơi giải trí và tập luyện thể dục thể thao. Gồm các bộ dụng cụ:

+ Máy tập xoay eo.

+ Máy đi bộ lắc tay ngoài trời.

+ Dụng cụ tập đi bộ trên không.

+ Xà đơn, Xà kép

**- Nhà Văn hóa Sa Cá:** Điểm bên trong sân và bên ngoài của Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4 đã lắp đặt 04 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời nhằm phục vụ người lớn, trẻ em vui chơi giải trí và tập luyện TDTT. Gồm các bộ dụng cụ:

+ Máy tập xoay eo.

+ Máy đi bộ lắc tay ngoài trời.

+ Dụng cụ tập đi bộ trên không.

+ Xà đơn, Xà kép

+ Bập bênh

**- Nhà Văn hóa Bàu Tre:** Điểm bên trong sân và bên ngoài của Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4 đã lắp đặt 04 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời nhằm phục vụ người lớn, trẻ em vui chơi giải trí và tập luyện thể dục thể thao.Gồm các bộ dụng cụ:

+ Máy tập xoay eo.

+ Máy đi bộ lắc tay ngoài trời.

+ Dụng cụ tập đi bộ trên không.

+ Xà đơn, Xà kép

- Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng năm 2023 đã tổ chức được 04 buổi văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước như: văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân 2023; hội diễn văn nghệ chào mừng kỷ niệm ngày 8/3; văn nghệ chào mừng kỷ niệm ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2023; Kết quả thu hút hơn 1540 người đến xem và cổ vũ.

- Thư viện, phòng đọc sách, báo: Trung tâm VHTT-HTCĐ xã bố trí 01 phòng đọc sách, được trang bị bàn ghế, tủ đựng sách và 30 đầu sách. Các đầu sách được sắp xếp theo bộ và quả lý theo quy chế của Trung tâm VHTT-HTCĐ xã…

- Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, liên hoan ấp, khu phố văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc (nêu cụ thể các hoạt động). Kết quả tổ chức được 03 hoạt động: hội thi nấu ăn chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; hội thi nấu ăn chào mừng kỷ niệm ngày Gia đình Việt Nam 28/6; Kết quả thu hút hơn 120 lượt người tham gia. Tham gia liên hoan ngày hội gia đình văn hóa huyện Long Thành năm 2023 đạt 01 giải Nhì.

Trung tâm văn hóa, thể thao – học tập cộng đồng xã, nhà văn hóa ấp thường xuyên hoạt động để phục vụ nhân dân, nhất là người già và trẻ em đến sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí của người dân chủ yếu vào buổi sáng và buổi chiều hàng ngày.

*- Chỉ tiêu 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:*

Trên địa bàn xã không có Di sản văn hóa được công nhận.

*- Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:*

Hằng năm, Ban chỉ đạo Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá xã tổ chức bình xét ấp đạt chuẩn văn hóa, gia đình đạt chuẩn GĐVH. Năm 2022, UBND xã được UBND huyện Long Thành công nhận 04/04 ấp đạt chuẩn danh hiệu “Ấp văn hóa” tại Quyết định số 9551/QĐ-UBND ngày 11/11/2022.

*- Chỉ tiêu 6.1. xã có Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (QĐ 09):*

-Trung tâm VHTT-HTCĐ xã Bình An được thành lập theo Quyết định số 5284/ QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND Huyện Long Thành .

Sau khi có Quyết định sáp nhập Trung tâm VHTT-HTCĐ, Ban giám đốc TTVHTT-HTCĐ xã đã tham mưu kiện toàn các chức danh được quy định theo Đề án. Hiện nay Ban giám đốc Trung tâm có 01 Giám đốc, 01 PGĐ phụ trách lĩnh vực VHVN - TDTT, 01 PGĐ phụ trách khuyến học, 01 Kế toán và 01 thủ quỹ.

- Về trang thiết bị: Trung tâm VHTT-HTCĐ với diện tích đất quy hoạch 14.320,3 m2; diện tích xây dựng: 527,1m2 được xây dựng và hoạt động vào năm 2004, đến nay đã hoạt được 20 năm có 05 phòng chức năng và hội trường văn hóa đa năng 250 chỗ ngồi. 05 phòng chức năng có 01 phòng phục vụ công tác truyền thanh, 01 Thư viện đọc sách, 01 phòng làm việc PGĐ phụ trách khuyến học và 01 phòng họp. Công trình phụ trợ Trung tâm Văn hoá Thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa).

Toàn xã có 01 sân bóng đá ; 04 sân bóng chuyền, 06 sân cầu lông

Năm 2023 TTVH-HTCĐ xã đã được sửa chữa, làm hàng rào do huyện thực hiện với tổng kinh phí: 1.400.000.000đ.

Toàn xã có 03 sân cầu lông, 06 sân bóng chuyền, 01 phòng tập Gym, 2 điểm trò chơi thiếu nhi, 2 hồ bơi, 3 CLB Bida. Đảm bảo cho nhân dân trong xã được vui chơi giải trí.

Ngoài ra, trên địa bàn 04 đều có Nhà văn hóa - khu thể thao của từng ấp.

*- Chỉ tiêu 6.2. xã có điểm vui chơi giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (QĐ 09):*

Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ trong năm: Duy trì hoạt động thường xuyên của 05 câu lạc bộ: CLB Cầu lông, 05 CLB bóng chuyền, 01 CLB võ thuật Teakwondo, 01 CLB võ cổ truyền, 04 CLB Dân vũ - Dưỡng sinh. Các câu lạc bộ đều được UBND xã ra quyết định thành lập và có ban hành quy chế hoạt động.

- Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa (tỷ lệ): CLB văn nghệ 4 Ấp thường xuyên luyện tập 2.778/9.339 đạt 30,11%; Ban chỉ đạo hè tập luyện văn nghệ hội thi hoa phượng đỏ; tập luyện văn nghệ cho các em học sinh chuẩn bị cho khai mạc hè ngày 1/6; chào mừng ngày khai giảng năm học.

Thu hút nhân dân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên: Thực hiện công tác phối kết hợp với các đoàn thể như: Hội Người cao tuổi, Hội CCB, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh…trong công tác vận động nhân dân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên bằng nhiều hình thức, nhằm giúp cho nhân dân có điều kiện tham gia vui chơi, giải trí sau những ngày lao động mệt nhọc, vừa giúp tăng cường sức khoẻ để lao động và học tập đạt hiệu quả hơn, đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa tổ chức các hoạt động TDTT thường xuyên. Duy trì hoạt động thường xuyên của 08 câu lạc bộ: CLB Cầu lông, CLB bóng chuyền, CLB võ thuật Teakwondo, CLB bóng bàn. Các câu lạc bộ đều được UBND xã ra quyết định thành lập và có ban hành quy chế hoạt động từ đó đã vận động xây dựng được 643/2.146 hộ gia đình tập luyện thể thao, đạt tỷ lệ 29,9 và có khoảng 2.775/9.339 người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên, đạt tỷ lệ 30%.

Thu hút trẻ em trên địa bàn tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: UBND xã phối với vớ các trường hàng năm tổ chức các hoạt động cho các em thiếu nhi học sinh như tổ chức khai mạc sinh hoạt hè với nhiều các trò chơi dân gian như: bịt mắt đập heo đất, lễ hội ẩm thực, tham gia các giải thể thao, tham gia hội khỏe Phù đổng do huyện tổ chức. Nhân dịp lễ tết; tập dợt văn nghệ chuẩn bị cho hội thi Hoa phượng đỏ; khai mạc hè, Trung thu; 20/11 kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, hoạt động môn bơi, hoạt động CLB võ thuật Teakwondo… xã cũng đã tổ chức nhiều hoạt động cho các em tham gia có khoảng 748/3.245 giờ đạt tỷ lệ trên 23% thời gian hoạt động.

*- Chỉ tiêu 6.3. tỷ lệ ấp có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt văn hóa thể thao hoạt động cộng đồng (QĐ 09):*

Trên địa bàn xã có 04 ấp: ấp An Viễng, ấp An Bình, ấp Bàu Tre, ấp Sa Cá; 04/04 ấp đã có nhà văn hóa - khu thể thao ấp thường xuyên được duy tu bảo dưỡng. Với diện tích quy mô xây dựng đạt chuẩn so với hướng dẫn của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Các nhà văn hóa đều có sức chứa 100 chỗ ngồi, có sân khấu, sân tập thể thao đơn giản, có các công trình phụ trợ. Hàng năm, UBND xã hỗ trợ từ nguồn ngân sách xã cho Ban chủ nhiệm các ấp kinh phí để duy trì hoạt động nhà văn hóa ấp. Hàng năm đều có lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn do Huyện tổ chức cho các Ban chủ nhiệm ấp. Nhà văn hóa ấp là nơi hội họp, giao lưu văn hóa văn nghệ của nhân dân trên địa bàn ấp.

Văn phòng ấp kết hợp Nhà văn hóa ấp An Viễng có diện tích 1.539 m2 và công năng theo quy định đạt chuẩn. Đáp ứng nhu cầu các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân trong ấp.

Văn phòng ấp kết hợp Nhà văn hóa ấp An Bình có diện tích 1.300 m2 và công năng theo quy định đạt chuẩn. Đáp ứng nhu cầu các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân trong ấp.

Văn phòng ấp kết hợp Nhà văn hóa ấp Sa Cá có diện tích 2.807 m2 và công năng theo quy định đạt chuẩn. Đáp ứng nhu cầu các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân trong ấp.

Văn phòng ấp kết hợp Nhà văn hóa ấp An Bình có diện tích 711,6 m2 và công năng theo quy định đạt chuẩn. Đáp ứng nhu cầu các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân trong ấp.

Về trang thiết bị: hội trường Nhà văn hóa ấp có trên 100 chỗ ngồi, có màn sân khấu, bộ âm ly (loa, micro...), bàn ghế phục vụ sinh hoạt, có đầy đủ tủ sách pháp luật, tượng Bác, cờ Đảng, cờ Tổ Quốc, băng rôn khẩu hiệu, cờ trang trí. Nhà văn hóa mỗi ấp đều được trang bị 05 loại dụng cụ thể thao đơn giản gồm: 01 xà đơn, 01 xà kép, 01 máy tập xoay eo, 01 máy đi bộ lắc tay ngoài trời, 01 dụng cụ tập đi bộ trên không. Tại các Nhà văn hóa ấp hàng tháng đều có tổ chức sinh hoạt Chi bộ, họp các đoàn thể, tổ nhân dân, và triển khai đến người dân về chủ trương chính sách của Nhà nước.

*- Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa (QĐ 09):*

Hằng năm xã thực hiện tốt công tác đăng ký và bình xét gia đình văn hóa cuối năm. Năm 2023 xã có 1.967/1.982 gia đình đăng ký đạt gia đình văn hóa chiếm tỷ lệ 99,24%.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Công tác quy hoạch hạ tầng thương mại đã có quy hoạch hạ tầng thương mại tại vị trí tờ số 4, thửa số 3, diện tích 10.034m2 đã được thông qua quy hoạch sử dụng đất theo đất quy định.

Trên địa bàn xã có 01 chợ tạm An Viễng tại ấp An Viễng hình thành vào năm 1984 quy mô mua, bán nhỏ lẻ không đáp ứng tiêu chí hạ tầng nông thôn.

Có 01 của hàng Bách Hóa Xanh số 117 thuộc hệ thống Bách Hóa Xanh Đồng Nai; địa chỉ ấp An Viễng, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Vị trí Bách Hóa Xanh nằm ngay trung tâm xã thuận lợi cho người dân mua thực phẩm, hàng tiêu dùng hàng ngày; mặt hàng kinh doanh đa dạng đáp ứng đầy dủ nhu cầu cho người dân.

Khảo sát thực tế cửa hàng cảnh quan sạch sẽ; không gian bố trí hàng hóa ngăn nắp, gọn gàng, dễ nhận diện và tìm kiếm; niêm yết giá, khối lượng hàng hóa theo đúng quy định; kiểm tra cân bán hàng đúng đạt tiêu chuẩn; kiểm tra mẫu thực phẩm ngẫu nhiên đạt yêu cầu; các trang thiết bị và hệ thống phòng cháy, chữa cháy đạt chất lượng theo quy định; kho lưu giữ hàng hóa thông thoáng, sạch sẽ; hệ thống xử lý nước thải và nước mưa đạt yêu cầu; có thùng rác thu gom rác hàng ngày với đơn vị thu gom.

Chất lượng kinh doanh, phụ vụ của cửa hàng Bách Hóa Xanh số 117 đạt chất lượng theo quy định số 7605/HĐ-SCT ngày 28/12/2022 của Sở Công Thương Đồng Nai về việc Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**8. Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ≥ 80%.

- Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…).

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet (QĐ 09).

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp (QĐ 09).

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Trên cơ sở kết quả đạt được về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, hàng năm xã xây dựng kế hoạch tiếp tục duy trì thực hiện đối với tiêu chí ngành thông tin và truyền thông, trong đó điểm Bưu điện văn hóa của xã ngày càng mở rộng và nâng cao dịch vụ công, cung cấp thêm nhiều dịch vụ mới: các dịch vụ về thu hộ, chi hộ, chỉ trả các dịch vụ hành chính công, chuyển hồ sơ một cửa liên thông về huyện, tỉnh đem lại hiệu quả cao trong giải quyết hồ sơ hành chính, giảm thời gian đi lại cho công dân; hệ thống wifi phủ khắp địa bàn nhà văn hóa 2 ấp. Đối với điểm phục vụ bưu chính là thùng thư công cộng: được thiết kế và lắp đặt trước cửa Bưu điện xã, dễ tiếp cận và đảm bảo an toàn cho người gửi thư, không làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng; có hệ thống khóa riêng và có khe hở ngang đủ để bỏ thư, thiết kế phù hợp, an toàn.Về dịch vụ: có thực hiện cung cấp các dịch vụ: dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg; dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

Hàng năm Đài truyền thanh xã được sửa chửa, nâng cấp các trang thiết bị, các cụm loa đảm bảo hoạt động phát thanh, tuyên truyền hiệu quả hơn, hiện nay toàn xã có 22 cụm loa rãi đều trên địa bàn 04/04 ấp, tỷ lệ bao phủ trên 100%, tần số 62.4 MHZ, thời gian phát sóng đảm bảo theo yêu cầu, thông tin tuyên truyền đến nhân dân kịp thời, đạt hiệu quả.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tại cơ quan đạt hiệu quả cao, các phần mềm hành chính được áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực như: ứng dụng chứng thư số, chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm BHXH, phần mềm tài chính, đất đai, hộ tịch, quản lý nhân sự, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (bao gồm: phần mềm một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công tỉnh), hệ thống thư điện tử công vụ, đem lại hiệu quả trong quản lý văn bản đến, đi điện tử, trong xử lý hành chính, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ công dân.

Cụ thể:

*- Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:*

a. Về cơ sở vật chất:

Trên địa bàn xã có 1 điểm Bưu điện văn hóa xã phục vụ bưu chính do huyện quản lý đặt trên địa bàn xã phục vụ cho nhân dân, đáp ứng các nhu cầu của người dân về dịch vụ gửi, tiếp nhận, phân loại, xử lý, truyền tải hoặc cung cấp các thư từ trên địa bàn xã. Được đặt tại ấp An Viễng xã Bình An có điện tích xây dựng 400m2. Có giấy chứng nhận QSDĐ số 2239/QĐ.CT.UBT ngày 11/7/2002 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp.

Có mặt bằng trang trí phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng các nhu cầu cần sử dụng dịch vụ bưu chính của địa phương. Và nhận gửi, giao hàng hóa.

Có treo biên tên điểm phục vụ “Bưu điện văn hóa xã Bình An”

Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ cho khách hàng được biết

Thời gian mở cửa phục vụ làm việc: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần

Buổi sáng: từ 7h 30 giờ đến 11 giờ 00.

Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ.

Thứ bảy, Chủ Nhật nghỉ

Đối với điểm phục vụ bưu chính là thùng thư công cộng:

Được thiết kế và lắp đặt trước cửa Bưu điện xã Bình An, dễ tiếp cận và đảm bảo an toàn cho người gửi thư, không làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng;

Kích thước 25cm x 40cm, màu vàng và làm bằng sắt chắc chắn, khó cậy phá và đảm bảo mỹ quan;

Có hệ thống khóa riêng và có khe hở ngang đủ để bỏ thư; khe hở này phải được thiết kế theo huớng dốc ra ngoài và có thiết kế phù hợp để ngăn cản việc móc thư ra từ khe hở đó; vị trí của khe hở đặt ở bên dưới nóc thùng thư.

Trên thùng thư có thông tin về tên đơn vị quản lý, tên bưu cục Việt Nam POST; ngày 1 lần vào lúc 13h30 mở thùng thư trong ngày.

b. Về dịch vụ:

Tại điểm dịch vụ, có thực hiện cung cấp các dịch vụ:

Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg.

Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, đến nay, hầu hết được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điểm phục vụ bưu chính xã có trang bị máy vi tính hoạt động ổn định và kết nối internet. Có nhân viên phụ trách việc hướng dân người dân khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng, App dịch vụ công của công của Tỉnh.

Kết quả cho thấy có nhiều ưu điểm nổi trội như tạo thuận lợi cho người dân tiết kiệm chỉ phí và thời gian, công sức khi làm thủ tục. Điểm phục vụ bưu chính nhận và chuyển phát các loại hồ sơ như: hồ sơ tư pháp, giấy phép kinh doanh, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, hô sơ BHXH, căn cước công dân, hộ chiếu, kết quả khám bệnh, hồ sơ nhà đất đến tận địa chỉ người dân và doanh nghiệp.

Kết quả từ tháng 1/2023 tính đến ngày 30 tháng 4 năm 2024 chuyển hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích được 5433 hồ sơ (trong đó chứng thực: 5065 hồ sơ, hộ tịch : 324 hồ sơ, BTXH: 28 hồ sơ, đất đai: 01 hồ sơ…)

*- Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:*

- Số lượng nhân khẩu: 9.339 người.

- Số lượng nhân khẩu có độ tuổi từ 15-60 tuổi: 5.663 người.

- Tính đến ngày 30/4/2024 có 4.860 người dân cài đặt ứng dụng VNeID /5.663 người trong độ tuổi từ 15-60 tuổi. Căn cứ số liệu trên tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh xã Bình An đạt 85% (theo độ tuổi lao động từ 15-60 tuổi).

Xã Bình An có 4/4 ấp có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet đạt tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đạt 100%. QCVN 35:2011/BTTTT đôi với dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất; QCVN 36:2015/BTTTT đối với dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất; QCVN 34:2014/BTTTT đối với dịch vụ truy cập intenet băng thông rộng cố định mặt đất; QCVN 81:2014/BTTTT đối với dịch vụ truy cập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất. Trên địa bàn xã có 02 điểm kinh doanh dịch vụ Internet công cộng; 4/4 ấp (đạt 100%) có phủ sóng Wifi miễn phí.

*- Chỉ tiêu 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông:*

UBND xã ban hành kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21/3/2023 về việc Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn xã Bình An, từ nguồn ngân sách của địa phương, UBND xã đầu tư trang bị mới 03 cụm loa trên địa bàn ấp An Bình, Bàu Tre và Sa Cá nâng tổng số cụm loa lên 18 cụm, 36 loa rãi đều trên địa bàn 4/4 ấp.

UBND xã có 01 cán bộ phụ trách đài truyền thanh xã, thực hiện tiếp âm đài truyền thanh huyện và tin tức địa phương phát sóng 02 buổi/ngày, thời lượng 120 phút. Trên địa bàn xã có 4/4 ấp (tỷ lệ 100%) có hệ thống loa truyền thanh đang hoạt động, với 18 cụm loa sử dụng tần số 65,2MHz vô tuyến điện. Giấy phép số 342246/TTKD do Trung tâm Tần số vô tuyên điện khu vực II cấp ngày 03/03/2022. Với nhiệm vụ thực hiện truyền thanh và tiếp âm đài truyền thanh huyện, đài tiếng nói Việt Nam và tin tức địa phương phát sóng 03 buổi/ngày. Từ đầu năm 2023 đến tháng 4 năm 2024, đài truyền thanh xã đã phát thanh được 1.680 giờ, trong đó tiếp âm đài truyền thanh huyện (1.200 giờ), Chương trình truyền thanh đài cơ sở (480 giờ).

Trên địa bàn ấp An Viễng và ấp An Bình, Đài truyền thanh vô tuyến không dây phủ sóng mỗi ấp có 05 cụm loa với 10 loa phát thanh/ ấp, ấp Bàu Tre và ấp Sa Cá mỗi ấp có hệ thống loa truyền thanh không dây với 04 cụm loa và 08 loa phát thanh/ ấp.

Hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn xã được tiếp âm, phát thanh các lịch phát sóng của đài huyện, tuyên truyền các chủ trương Chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước xây dựng các tin bài, chuyên mục về tuyên truyền chương trình xây dụng nông thôn mới, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hằng năm, UBND xã xây dựng Kế hoạch về việc thực hiện hoạt động tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các nội dung hoạt động của địa phương đồng thời lồng ghép các chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã biên tập, phát sóng hơn 125 tin, bài, thời lượng 50 giờ.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 phối hợp với Điểm KHCN viết tin và phát thanh 30 tin, bài với với nội dung như tuyên truyền Nông thôn mới nâng cao, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng chính sách và pháp luật của Nhà nước, Tuyên truyền các đường lối, chính sách phát triển KTXH của địa phương …

UBND xã có chỉ đạo cán bộ đài truyền thanh thường xuyên kiểm tra công tác phát thanh và trang thiết bị phục vụ đài truyên thanh đảm bảo thông tin được truyền tải thường xuyên và liên tục.

Trên địa bàn xã có 4/4 ấp, với 2.133/2.133 số hộ gia đình thu xem truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet cụ thể: truyền hình vệ tinh DVB-S2; cáp truyền hình; truyền hình qua mạng Internet IPTV, dịch vụ người dân thường dùng là MyTV và NetTV đạt 100%.

Để tạo điều kiện cho người dân có các điểm vui chơi, giải trí lành mạnh. UBND xã bố trí các tủ sách công cộng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia nghiên cứu, trao đổi các nội dung quan tâm tại các điêm như: Phòng tiếp dân UBND xã, Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã, Bưu điện xã Bình An, 04 điểm tại nhà văn hóa ấp, tại thư viện các trường học; Ngoài ra tại các điểm đọc sách công cộng đều có gắn wifi miễn phí tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vui chơi, tra cứu, tìm hiểu các thông tin liên quan cần thiết. Kết quả các điểm đọc sách miễn phí cung cấp trên 130 đầu sách, hằng năm thu hút hơn 500 lượt người đến nghiên cứu, tìm hiểu, trao đổi thông tin trên các lĩnh vực.

*- Chỉ tiêu 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội:*

a.Về tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến:

Tổng số TTHC được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đến nay là 181 thủ tục hành chính, trong đó có 89 DVCTT, 26 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và 63 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Năm 2023 (từ 15/12/2022 đến 14/12/2023): Tổng số hồ sơ được thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình so với tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận: 528/822 đạt tỷ lệ 64,23%; Số hồ sơ thực hiện một phần là: 215 đạt tỷ lệ 26,16% và hồ sơ thực hiện toàn trình là: 313 đạt tỷ lệ 38,08%.

6 Tháng đầu năm 2024 (từ 15/12/2023 đến 25/05/2024): Tổng số hồ sơ được thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình so với tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận: 145/207 đạt tỷ lệ 70,04%; Số hồ sơ thực hiện một phần là: 80 đạt tỷ lệ 38,65% và hồ sơ toàn trình là: 65 đạt tỷ lệ 31,40%.

b. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin

UBND xã Bình An đã từng bước Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

Triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản: 100% (39/39 cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách ) thuộc UBND xã được cấp tài khoản sử dụng và tập huấn sử dụng phần mềm quản lý văn bản dùng chung của tỉnh. Từ ngày 01/1/2024 đến 15/5/2024 tổng số văn bản gửi, nhận trên môi trường mạng 3.661/3.661 đạt tỷ lệ 100%.

Ứng dụng chữ ký số trong chỉ đạo và điều hành: 11/20 cán bộ, công chức được cấp chữ ký số (đạt 55%) sử dụng thường xuyên.

Việc sử dụng phần mềm một cửa điện tử (Egov): Xã có 9/9 cán bộ, công chức được cấp tài khoản trên hệ thống phần mềm Egov gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 01 công chức ĐC-XD, 02 tài khoản công chức TP-HT, 01 công chức VHXH, 01 tài khoản cán bộ tiếp nhận trả kết quả, 01 tài khoản Công An. Tất cả đều đã được tập huấn hướng dẫn sử dụng tài khoản để tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm đảm bảo theo đúng quy định.

Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đồng Nai (@dongnai.gov.vn): Xã có 20/20 cán bộ, công chức được cấp tài khoản. Tất cả đều thực hiện nghiêm túc việc sử dụng thư điện tử (email) công vụ trong trao đổi công việc.

Có 39/39 cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách xã người được tham gia tập huấn, hướng dẫn kiến thức về an toàn thông tin, Bồi dưỡng Chuyển đổi số cấp xã. Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số cho đối tượng là người dân, cơ sở kinh doanh được 4 đợt, với hơn 500 lượt người tham dự; 06 pano, khẩu hiệu, hình ảnh về chuyển đổi số; phát hơn 700 tờ rơi tài liệu về nội dung BHXH, BHYT, VNeID. Có 100% cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách được trang bị máy tính làm việc tại đơn vị, 100% máy tính tại đơn vị được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc, diệt virus bản quyền.

c.Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản

- Số lượng nhân khẩu: 9.339 người.

- Số lượng nhân khẩu có độ tuổi từ 15-60 tuổi: 5.663 người.

- Số lượng người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức: 4.250 người/5.663 người dân trong độ tuổi lao động (75.04%);

- Hình thức phổ biến: Tổ công nghệ số hướng dẫn tại nhà kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân về việc sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến thông qua các Hội nghị, trên các Trang mạng: website, facebook, zalo..;

d. 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên các nền tảng Sản phẩm thương mại điện tử

Xã Bình An có 01 sản phẩm OCOP: Nước uống đóng chai LUCKYBENNY của Công ty TNHH sản xuất Thương mại Bình An Phát, địa chỉ: Ấp An Viễng, Bình An, Long Thành, Đồng Nai;

Sản phẩm Nước đóng chai LUCKYBENNY của Công ty TNHH sản xuất Thương mại Bình An Phát được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận là sản phẩm đạt 03 sao năm 2023 tại Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 03/1/2024.

Địa chỉ website *https://sub.dost-dongnai.gov.vn/binhan*

Ngoài ra sản phẩm được đăng tải trên trang Zalo OA Ủy Ban Nhân Dân xã Bình An, các trang Fanpage: Tuyên Giáo Bình An, Hội LHPN xã Bình An, Tuổi Trẻ Bình An…

đ. 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: *(Tạm thời không thực hiện đánh giá tiêu chí này do Bộ Thông tin và truyền thông đã ban hành văn bản số 1096/BTTTT-KHTC ngày 03/4/2023 v/v tạm dừng triển khai gắn biển địa chỉ số)*

*- Chỉ tiêu 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…):*

Cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn phục vụ công tác chuyển đổi số: 4/4 ấp có phát sóng 3G, 4G; phủ sóng băng thông rộng di động đạt 100%. Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tra cứu, truy cập thông tin trên môi trường mạng được thuận lợi; UBND xã đã triển khai mắc Wifi miễn phí tại UBND xã, Bộ phận Một cửa xã, TTVH-HTCĐ xã, Nhà Văn hóa 4 ấp với kết quả: 7/7 điểm phát Wifi công cộng phục vụ cho người dân gồm: UBND xã, TTVH-HTCĐ xã, Nhà văn hóa 04 ấp cung cấp Wifi miễn phí phục vụ người dân.

*- Chỉ tiêu 8.2: Xã có dịch vụ viễn thông, internet (QĐ 09:)*

100% số hộ gia đình toàn xã thu xem truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet cụ thể: truyền hình vệ tinh DVB-S2; cáp truyền hình; truyền hình qua mạng Internet IPTV, dịch vụ người dân thường dùng là MyTV và NetTV.

Cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn phục vụ công tác chuyển đổi số; 04/04 ấp có phát sóng 3G, 4G; phủ sóng băng thông rộng di động đạt 100%.

Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng.

*- Chỉ tiêu 8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp (QĐ 09):*

Trên địa bàn xã 04/04 ấp đều có hệ thống loa truyền thanh đang hoạt động, với 18 cụm loa. Thời lượng hoạt động của Đài truyền thanh xã thường từ 03 đến 05 giờ/ngày, tiếp âm các chương trình thời sự của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh huyện, các thông báo của Đảng ủy và UBND xã, các thông báo kỹ thuật gieo trồng, phòng chống dịch bệnh… Các hoạt động này nhìn chung đã có những đóng góp tích cực trong việc đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống nhân dân, kịp thời thông báo đến nhân dân diễn biến tình hình thiên tai, dịch bệnh, các đổi mới về khoa học-kỹ thuật trong sản xuất…để người dân nắm bắt và thực hiện.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 99%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

- Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn xã Bình An có 2.133 nhà ở dân cư. Trong đó: Nhà ở nông thôn đạt chuẩn của Bộ Xây dựng là 2.133 căn, đạt 100% (2.133/2.133), không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

Tăng so với thời điểm công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đối với tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư năm 2020 là 116 căn nhà.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**10. Tiêu chí số 10: Thu nhập**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người): năm 2022 ≥ 76 triệu đồng; năm 2023 ≥ 80 triệu đồng.

- Thu nhập bình quân đầu người ≥ 10% so với mức thu nhập năm 2022 theo Bộ Tiêu chí NTM nâng cao (NTM kiểu mẫu)

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Năm 2021, xã Bình An đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao, xã đã tiến hành điều tra, thu thập thông tin mức sống dân cư trên địa bàn xã theo Kế hoạch điều tra của Công chức Thống kê huyện. Với mức thu nhập năm 2021 là 72.900.000 đồng/người. Năm 2024, theo số liệu quản lý dân cư trên địa bàn xã; toàn xã có 9.339 nhân khẩu với 2.133 hộ. Xã đang chuẩn bị triển khai các nội dung theo kế hoạch của ngành thống kê huyện triển khai thu nhập, điều tra mức sống dân cư trên địa bàn xã, dự kiến triển khai tháng 08/2024. Kết quả thẩm định tiêu chí này xã Bình An sẽ bổ sung hồ sơ minh chứng ngay sau khi có kết quả điều tra thu nhập trong tháng 08/2024.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của Trung ương ban hành) ≤ 0,3%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Chương trình giảm nghèo trên địa bàn xã được cả hệ thống chính trị xã đặc biệt quan tâm thực hiện cùng với sự chung tay nỗ lực của nhân dân bằng nhiều hình thức, phương pháp như: thành lập các câu lạc bộ sản xuất, thành lập hợp tác xã, các tổ hợp tác, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất, hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, giúp vay vốn ưu đãi, vận động quỹ đóng góp vào ngân hàng Bò để cấp bò, dê cho hộ nghèo chăn nuôi...

Để thực hiện công tác giảm nghèo một cách có hiệu quả, UBND xã đã gắn chặt công tác giảm nghèo với chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển nông nghiệp, nông thôn triển khai có hiệu quả 11 chính sách, dự án giảm nghèo: tín dụng; y tế; hỗ trợ giáo dục; nhà ở; trợ giúp pháp lý; khuyến Nông- Lâm- Ngư; dạy nghề; nhân rộng mô hình giảm nghèo tiêu biểu; truyền thông; giám sát- đánh giá và nâng cao năng lực cán bộ giảm nghèo. Trong đó, tập trung đầu tư để nâng cao ý chí và kiến thức cho người nghèo là giải pháp cơ bản, làm thay đổi thật sự khả năng tự vận động, tự vươn lên của chính người nghèo, vùng nghèo; Trong năm 2023, đã cấp 38 thẻ BHYT cho người nghèo, mới thoát nghèo và 24 thẻ BHYT cho hộ cận nghèo. Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, các khoản đóng góp khác cho học sinh, sinh viên theo quy định cho 10 em học sinh - sinh viên với tổng số tiền 15.300.000đ. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện thực hiện cho vay hộ nghèo và hộ mới thoát nghèo trên địa bàn xã với tổng 11 hộ vay, số tiền 600.000.000đ; cụ thể: 06 hộ nghèo với số tiền 350.000.000 đồng, 07 hộ mới thoát nghèo với số tiền 250.000.000 đồng. Hỗ trợ tiền điện cho 16 hộ nghèo số tiền 5.712.000đ.

Phối hợp với các đơn vị chức năng, vận động các đơn vị Mạnh Thường Quân thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội như vận động xây nhà tình thương, tình nghĩa, nhà cho đồng bào dân tộc nghèo.

**- Các nội dung đã thực hiện:**

- Hộ nghèo đầu năm 2023:

+ Hộ nghèo A: 19/2.165 hộ dân, chiếm 0,87%

+ Hộ nghèo B: 03/2.165 hộ dân, chiếm 0,13%

+ Hộ cận nghèo: 14/2.165 hộ dân, chiếm 0.64%

- Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023

- Hộ nghèo đa chiều chuẩn Trung ương: 03 hộ, trong đó hộ không có khả năng lao động là 03 hộ. Như vậy hộ nghèo đa chiều chuẩn Trung ương 03/2.165 hộ chiếm 0,13%.

- Hộ nghèo chuẩn tỉnh: 10 hộ

+ Hộ nghèo A: 10/2.165 hộ dân, chiếm 0,46%

+ Hộ nghèo B: 03/2.165 hộ dân, chiếm 0,13%

+ Hộ cận nghèo: 09 hộ dân, chiếm 0,41%

+ Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 01 hộ (chiếm tỷ lệ 0,07% so với tổng số hộ nghèo)

+ Hộ có mức sống trung bình: 0/2.165 hộ dân, chiếm 0%

+ Hộ thoát nghèo: 06/2.165 hộ dân, chiếm 0,27%

+ Hộ thoát cận nghèo: 05/2.165 hộ dân, chiếm 0,23%

**- Kinh phí thực hiện:** 87.480.000 đồng, trong đó:

+ Quỹ VNN: 20.000.000 đồng, chiếm 22,8%

+ Vốn nhà nước hỗ trợ: 12.480.000 triệu đồng, chiếm 14,2%

+ MTQ đóng góp: 55.000.000 triệu đồng, chiếm 62,8%

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**12. Tiêu chí số 12: Lao động**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 85%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 35%.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn ≥ 50%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

UBND xã đã tổ chức triển khai tư vấn, giới thiệu việc làm rộng khắp trên địa bàn xã, số lao động được giải quyết việc làm ngày càng tăng, bình quân mỗi năm trên toàn xã có khoảng 400 lao động được giải quyết việc làm, tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động của xã ngày càng cao.

Hàng năm, UBND xã phối hợp với Trung tâm Dạy nghề huyện Long Thành mở các lớp đào tạo nghề lao động nông thôn cho học viên như các lớp may công nghiệp, nấu ăn, thú y, trồng trọt…, phối hợp với Trạm Khuyến nông, Bảo vệ thực vật mở lớp dạy nghề nông nghiệp ngắn hạn, tập huấn kỹ thuật gắn với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Bên cạnh đó tăng cường trong nhân dân về công tác đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật có tay nghề cao, từ đó tạo chuyển biến trong nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc học nghề nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động; các em học sinh sau khi tốt nghiệp tiếp tục học lên trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học. Tất cả đã góp phần nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo trên địa bàn xã.

*- Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Tổng dân số toàn xã là 9.339 người với 2.133 hộ, qua khảo sát hiện có 3.149 người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên, trong đó 2.839/3.149 người đã qua đào tạo, đạt tỷ lệ 90,15%.

*- Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):* 1.296/3.149người, đạt tỷ lệ 41,15%.

*- Chỉ tiêu 12.3: Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn xã:* 2.839/3.149 người, đạt tỷ lệ 90,15%.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: ≥ 01 sản phẩm

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: ≥ 10%

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).

- Xã có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường (QĐ 09).

- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả (QĐ 09).

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 13.1: Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định:*

Trên địa bàn xã Bình An có 01 HTX: HTX Nông nghiệp Tổng hợp An Bình hoạt động trong lĩnh vực thu gom rác thải.

Hợp tác xã Nông nghiệp tổng hợp An Bình được thành lập ngày 17/11/2021 và đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX số 3603835780, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/07/2022, vốn điều lệ 3.950 tỷ đồng. Hợp tác xã vận chuyển thu gom rác thải sinh hoạt đến bãi rác trung chuyển tạm tại ấp An Viễng, sau đó công ty Sonadezi thu gom và vận chuyển rác thải về nhà máy xử lý rác tại xã Bàu Cạn để xử lý đúng theo quy định.

*- Chỉ tiêu 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn*: trên địa bàn xã có một sản phẩm là Nước uống đóng chai của công ty TNHH Bình An đã được công nhận sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao năm 2023, theo Quyết định số 05/QĐ-UBND của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm huyện Long Thành.

*- Chỉ tiêu 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:*

Trên địa bàn xã Bình An có 01 mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: mô hình sản xuất cơ sở Bún tươi Nguyễn Văn Quý.

+ Chủ trì thực hiện mô hình: Người đại diện theo pháp luật:Nguyễn Văn Quý, sinh ngày 02/09/1983, CCCD số 0514083009310, cấp ngày 05/09/2022, CTCQLHCVTTXH.

+ Điện thoại: 0902.567.244

+ Địa điểm triển khai thực hiện: ấp Sa Cá, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Quy mô: công suất chế biến 2.000kg/ngày.

+ Giai đoạn thực hiện: từ năm 2010.

**\* Về tổ chức chế biến, áp dụng công nghệ cao:**

Bún sản phẩm chế biến từ gạo là thực phẩm cung cấp dinh dưỡng cho con người giúp duy trì cuộc sống và hoạt động hàng ngày; Bún có thể thay thế cho gạo dùng trong các bữa ăn hàng ngày giúp cho con người đa dạng, phong phú trong các món ăn.

Với kinh nghiệm gia truyền của gia đình từ quê Bình Định cơ sở bún tươi đã chế biến ra sản phẩm sạch; đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng;

Tổng các khâu ấp dụng công nghệ cao 04 khâu, cụ thể:

+ Khâu xay gạo.

+ Khâu làm chín gạo.

+ Khâu tạo sợi.

+ Khâu ra thành phẩm.

**\* Về đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm:**

Cơ sở đã được học và tập huấn các chương trình về an toàn vệ sinh thực phẩm do các cơ quan chuyên môn hướng dẫn theo đúng quy định.

Sản phẩm đã được cơ quan chức năng kiểm tra định kỳ và đột xuất theo quy định hiện hành.

Các nguồn nguyên liệu chính để làm ra bún tươi như nước đã được xét nghiệm vi sinh, lý hóa về nước.

Nhân viên đứng máy trực tiếp đã được khám sức khỏe định kỷ.

Không dùng các chất cấm, phụ gia trong chế biến theo đúng quy định hiện hành.

**\* Về tạo việc làm tăng thu nhập lao động nông thôn:**

Cơ sở đã giải quyết được 05 lao động tăng thu nhập người lao động nông thôn: tự tạo việc làm cho 03 lao động gia đình và 02 lao động thuê ngoài.

**\* Kinh phí thực hiện:**

- Tổng kinh phí đầu tư: máy móc thiết bị và nhà xưởng: 2.000.000.000 đồng.

- Nguồn tài chính tiết kiệm gia đình chiếm 70%: 1.400.000.000 đồng.

- Nguồn vốn vay ngân hàng 30%: 600.000.000 đồng.

*- Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:*

Việc phát triển công nghiệp, dịch vụ và tốc độ đô thị hóa nhanh đã làm cho diện tích sản xuất nông nghiệp giảm mạnh, số hộ dân tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp không nhiều, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng dân số trên địa bàn xã, chủ yếu là những hộ dân sản xuất cây hàng năm, chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình và một số hộ dân nuôi trồng thủy sản còn ít. Việc phát triển kinh tế hộ gia đình từ hoạt động sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể, vì sản xuất nông nghiệp mang nhiều rủi ro, hiệu quả không cao.

Do quy hoạch của xã Bình An phát triển theo hướng công nghiệp, dịch vụ, đô thị nên trên địa bàn xã không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

*- Chỉ tiêu 13.5: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:*

Trên địa bàn xã Bình An không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực nên tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử là không có.

*- Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:*

Trên địa bàn xã Bình An không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực nên không có vùng trồng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

*- Chỉ tiêu 13.7: Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:*

Trên địa bàn xã Bình An gồm có 02 chùa, 01 Điểm Tin lành Páptit; 01 Giáo xứ Minh Long; 01 Chùa Tây Phương; 01 Chùa Hộ Pháp hoạt động hợp pháp, được công nhận và cấp đăng ký hoạt động.

Các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo thực hiện đúng theo tinh thần hướng dẫn tại Thông Tư Liên Tịch số: 04/2014/TTLT - BVHTTDL - BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo. Nhìn chung tình hình hoạt động tôn giáo, dân tộc trên địa bàn xã ổn định. Cơ sở hạ tầng, các tiêu chí về điện, đường, trường, trạm đã đạt chuẩn NTM nâng cao, an sinh xã hội ở địa phương từng bước phát triển.

Do thực tế trên địa bàn của xã Bình An không “Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch, dịch vụ du lịch thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội”. Chỉ có các trang Fanpape của các Tổ chức chính trị xã hội đăng tải các thông tin Chính trị của địa phương (Các hội nghị, hình ảnh hoạt động).

*- Chỉ tiêu 13.8: Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường:*

Trên địa bàn xã Bình An có 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường): mô hình nông trại Trái vườn: Sầu riêng, măng cụt, chôm chôm và kết hợp Du lịch.

+ Chủ trì thực hiện: Nông trại Nguyễn Quốc.

+ Địa điểm triển khai thực hiện: xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Quy mô: 01 hộ sản xuất Sầu riêng, măng cụt, chôm chôm với tổng diện tích 4ha.

+ Giai đoạn thực hiện: từ năm 2015.

Mô hình nông trại Trái vườn: Sầu riêng, măng cụt, chôm chôm và kết hợp Du lịch đảm bảo các tiêu chí:

+ Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình Nông Sản sạch 500tr/01 ha;

+ Tạo công ăn việc làm cho các lao động của hộ gia đình địa phương nâng cao thu nhập của hộ (trung bình 01 lao động thu nhập 10trđ/tháng);

+ Giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương;

+ Không gây ô nhiễm môi trường.

*- Chỉ tiêu 13.9: Xã có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận:*

Kết quả tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh trên địa bàn xã biết đến lợi ích của việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.

UBND xã đã và đang tuyên truyền bằng nhiều hình thức trên đài phát thanh và cho doanh nghiệp lòng ghép vào các hội nghị của ban ngành, đoàn thể nội dung xây dựng nhãn hiệu hàng hóa.

Số lượng nhãn hiệu hàng hóa được chứng nhận: 01 nhãn hiệu.

Công ty TNHH Bình An Phát: địa chỉ 25/1, ấp An Viễng, xã Bình An, huyện Lonh Thành, tỉnh Đồng Nai.

Danh mục, sản phẩm mang nhãn hiệu: Nước uống đóng chai (LUCKY BENNY)

*- Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững (QĐ 09):*

Xã Bình An nằm ở phía Đông Bắc của huyện Long Thành, cách trung tâm huyện Long Thành 20km, có tuyến tỉnh lộ 769 đi qua, là tuyến giao thông huyết mạch, địa bàn xã có tổng diện tích tự nhiên là 2.610,15ha. Trong đó bao gồm: Đất sản xuất nông nghiệp 2.680,52ha; đất nuôi trồng thủy sản 4,64ha; đất nông nghiệp khác 1,24ha; đất ở nông thôn 229,3ha; đất chuyên dùng 114,91ha; đất cơ sở tôn giáo 0,71ha; đất cơ sở tín ngưỡng 0,22ha; đất nghĩa địa 34,70ha; đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 27,10ha. Tổng số hộ 2.133 hộ dân; 9.339 nhân khẩu.

Trên cơ sở đó, xã Bình An đã và đang tăng cường thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng phát triển công nghiệp, dịch vụ và đẩy nhanh phát triển đô thị, từng bước là đô thị của thành phố Sân bay. Từ đó, nhiều dự án phát triển công nghiệp và khu dân cư đã được quy hoạch và xây dựng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Điển hình như một số khu công nghiệp, dự án trọng điểm như: KCN Lộc An - Bình Sơn, đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây, đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cảng hàng không Quốc tế Long Thành, các tuyến đường kết nối sân bay Long Thành.

Trước đây sản phẩm chủ lực của xã là cây lúa, tuy nhiên việc phát triển đầu tư công nghiệp, dịch vụ và tốc độ đô thị hóa nhanh đã làm cho diện tích sản phẩm nông nghiệp, diện tích đất trồng lúa giảm mạnh và ngày càng bị thu hẹp dần, do Nhà nước thu hồi để thực hiện các Dự án, do quy hoạch đất TMDV và các quy hoạch trọng điểm khác. Người dân từ công việc trồng lúa, làm nông nghiệp dần chuyển sang đi làm trong các công ty, doanh ngiệp trên địa bàn và các địa bàn giáp ranh như khu công nghiệp Nhơn Trạch, KCN Lộc An - Bình Sơn, KCN Long Thành, KCN Dầu Giây... ngày càng gia tăng theo số hộ dân tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm.

Như vậy do quy hoạch của xã Bình An phát triển theo hướng công nghiệp, dịch vụ, đô thị, dần từng bước lên đô thị nên cây lúa không còn là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã, phát triển nông nghiệp không phải là thế mạnh trong cơ cấu kinh tế của xã.

*- Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương (QĐ 09):*

Trên địa bàn xã Bình An không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực nên không thể thực hiện truy gốc nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

*- Chỉ tiêu 13.4: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường (QĐ 09):*

UBND xã Bình An đã tổ chức thực hiện rà soát, khảo sát về tình hình phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn xã quản lý.

Căn cứ Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và kết quả khảo sát thực tế tại địa phương, trên địa bàn xã Bình An không có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

*- Chỉ tiêu 13.5:* C*ó tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả (QĐ 09):*

Trên địa bàn xã Bình An không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực nên không có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**14. Tiêu chí số 14: Y tế**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 95%.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 90%.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 40%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥ 90%.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (QĐ09).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 14,5%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

Để nâng cao nhận thức của người dân trong việc tự nguyện tham gia Bảo hiểm Y tế; UBND xã đã xây dựng đẩy mạnh thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã; triển khai công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế theo bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Xã đã thành lập 10 Tổ vận động trên địa bàn xã, tổ chức điều tra số người đã tham gia và chưa tham gia BHYT trên địa bàn; tổng hợp danh sách gửi về cán bộ phụ trách của UBND xã. Trên cơ sở danh sách điều tra được, UBND xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Đảng viên trên địa bàn, các CBCC xã, các Chi, tổ hội phối hợp với các tổ trưởng tổ nhân dân là thành viên của Tổ vận động trên địa bàn tổ chức đến từng nhà hộ dân vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, tuyên truyền cho nhân dân biết những lợi ích mà bảo hiểm y tế mang lại, nhờ làm tốt công tác vận động, tuyên truyền Luật BHYT nên số lượng người dân tham gia ngày càng tăng lên.

*- Chỉ tiêu 14.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):* 7.840/8.204người, đạt 95,56%.

*- Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Tính đến ngày 14/05/2024, toàn xã có 7.840/8.204 người được quản lý, theo dõi sức khỏe, đạt 95,56%.

*- Chỉ tiêu 14.3: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Qua triển khai, vận động người dân sử dụng các ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, đến nay, trên địa bàn xã có 7.840/8.204 người sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa như VTelehealth, Wellcare, eDoctor… hoặc các ứng dụng chuyên dùng của các Bệnh viện người dân thường hay theo dõi sức khỏe như Aihealth, Youmed, BVĐK Đồng Nai…đạt 95,56%.

*- Chỉ tiêu 14.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:*

Tính đến ngày 14/05/2024, toàn xã có 7.840/8.204 có sổ khám chữa bệnh điện tử, đạt 95,56%.

*- Chỉ tiêu 15.2: Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (QĐ09):*

Xã có 01 Trạm y tế diện tích là 2.910,15m2, diện tích xây dựng 340m2, đã được xây dựng với đầy đủ phòng chức năng và trang thiết bị; trạm y tế có 14 phòng chức năng và 10 giường bệnh, có 06 cán bộ y tế, trong đó có 01 bác sỹ, 03 y sỹ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số; Trạm y tế xã đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

*- Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):* 45/494 trẻ, chiếm 9,1%.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**15. Tiêu chí số 15: Hành chính công**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 15.1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:*

UBND xã đang từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng, tỷ lệ giao dịch, trao đổi thông tin qua mạng. Được kết nối truyền dẫn nội bộ, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và xử lý hồ sơ phục vụ cho người dân, doanh nghiệp.

Việc sử dụng phần mềm một cửa điện tử (Egov): Có 3 lãnh đạo UBND xã và 06 công chức được cấp tài khoản. Do đó, 100% cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa xã có và sử dụng tài khoản Egov trong tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo theo đúng quy định.

+ Trong năm 2023 (từ ngày 15/12/2022 đến 14/12/2023) tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên hệ thống egov là 4.458 hồ sơ, trước hẹn 3.817 hồ sơ, hồ sơ giải quyết đúng hẹn 468 hồ sơ - tỷ lệ 97.25%. Tổng số hồ sơ trễ hạn đã giải quyết 121 hồ sơ - tỷ lệ 2,71%. Các trường hợp trễ hạn do thời gian trong năm 2023, UBND xã Bình An chuyển thiếu công chức tư pháp hộ tịch, thời gian công chức tăng cường ngắn nên dẫn đến trễ hạn trên phần mềm,công chức văn hóa xã hội thay đổi. Tuy nhiên trên thực tế đã trả kết quả cho người dân đúng hạn.

+ Trong năm 2024 (từ ngày 15/12/2024 đến 25/05/2024) tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên hệ thống egov là 1.964 hồ sơ, hồ sơ giải quyết trước hạn 1.689 hồ sơ, hồ sơ giải quyết đúng hẹn 117 hồ sơ - tỷ lệ 97,15%. Tổng số hồ sơ trễ hạn đã giải quyết 53 hồ sơ - tỷ lệ 2,69%. Các trường hợp trễ hạn do đầu năm 2024, UBND xã Bình An chuyển đổi công chức văn phòng sang công chức tư pháp hộ tịch nên dẫn đến trễ hạn trên phần mềm. Tuy nhiên trên thực tế đã trả kết quả cho người dân đúng hạn.

Bộ phận một cửa xã đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư trên hệ thống phần mềm egov trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính.

+ Triển khai thực hiện số lượng chứng thực được từ 15/12/2022 đến 14/12/2023 là: 3.712 bản sao; chứng thực được từ 15/12/2023 đến 15/5/2024 là: 1.642 bản sao;

+ Thực hiện số hóa dữ liệu trên địa bàn xã với kết quả đạt được số lượng năm 2023 hồ sơ một cửa là: 546, số lượng hồ sơ đã số hóa là 170 đạt 31.14%, số lượng tài liệu đã số hóa là 447; 5 tháng đầu năm 2024: hồ sơ một cửa là: 190, số lượng hồ sơ đã số hóa là 103 đạt 54.21%, số lượng tài liệu đã số hóa: 483.

*- Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên:*

Tổng số TTHC được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đến nay là 181 thủ tục hành chính, trong đó có 89 DVCTT, 26 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và 63 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Năm 2023 (từ 15/12/2022 đến 14/12/2023): Tổng số hồ sơ được thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình so với tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận: 528/822 đạt tỷ lệ 64,23%; Số hồ sơ thực hiện một phần là: 215 đạt tỷ lệ 26,16% và hồ sơ thực hiện toàn trình là: 313 đạt tỷ lệ 38,08%.

6 Tháng đầu năm 2024 (từ 15/12/2023 đến 25/05/2024): Tổng số hồ sơ được thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình so với tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận: 145/207 đạt tỷ lệ 70,04%; Số hồ sơ thực hiện một phần là: 80 đạt tỷ lệ 38,65% và hồ sơ toàn trình là: 65 đạt tỷ lệ 31,40%.

*- Chỉ tiêu 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp:*

UBND xã đã thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương đảm bảo theo quy trình, đúng quy định, không để xảy ra khiếu nại vượt cấp, cụ thể:

- Tổng số hồ sơ giải quyết trên phần mềm Egov trong năm 2022 (từ 15/12/2023 đến 10/5/2024): 1.730 hồ sơ đã tiếp nhận, tỷ lệ giải quyết hồ sơ là 100%; hồ sơ giải quyết đúng hạn là 1570 hồ sơ - tỷ lệ 96,73%.

- Tổng số hồ sơ trễ hạn đã giải quyết là 53 hồ sơ Tuy nhiên một phần do lỗi phần mềm hệ thống cùng với mạng internet không đảm bảo trong thời gian chuyển hoạt động của UBND xã về trụ sở mới, nên có sự trễ hạn trên phần mềm. Thực tế, công chức chuyên môn đã trả hồ sơ cho công dân đúng hẹn, vì vậy đối với các trường hợp nêu trên UBND xã Bình An không có thư xin lỗi người dân mà chỉ nhắc nhở, chấn chỉnh công chức trong xử lý hồ sơ trên hệ thống.

- Kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

Từ đầu năm đến nay, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã đã tiếp nhận và giải quyết 140 hồ sơ dịch vụ công mức độ 3,4 lĩnh vực hộ tịch trên tổng 1.862 hồ sơ tiếp nhận. Tuy mức độ sử dụng trực tuyến còn thấp nhưng người dân đến làm thủ tục trực tiếp vẫn thực hiện nhanh chóng và dể dàng, tạo điều kiện cho người dân an tâm trong thực hiện dịch vụ tại địa phương.

- Kết quả thực hiện chứng thực bản sao điện tử

UBND xã đã triển khai thực hiện chứng thực bản sao điện tử với 1.437 hồ sơ.

- UBND các xã Bình An đã chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã và các công chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC theo quy trình nội bộ của từng TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và quy trình điện tử đã cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đồng thời thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định. Thực hiện nghiêm quy định về bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy, tăng cường khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

Đến nay, tổng hồ sơ TTHC được số hóa là 252 đạt tỉ lệ 35.05%, số lượng tài liệu đã số hóa là 865.

Từ đầu năm đến nay, tỷ lệ giải quyết hồ sơ còn trễ hạn. Tuy nhiên lo lỗi hệ thống phần mềm Egov, hệ thống internet đôi lúc không đảm bảo nên trong quá trình xử lý hồ sơ phần mềm treo nên trễ hạn. Trên thực tế hồ sơ đều trả dân đúng hạn nên các trường hợp trễ trên phần mềm nêu trên UBND xã đề không có thư xin lỗi người dân mà chỉ nhắc nhở, chấn chỉnh bộ phận một cửa xã trong khâu xử lý trên hệ thống để nâng cao tỷ lệ hồ sơ đúng hạn trên phần mềm Egov.

Từ đầu năm đến nay, địa phương không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị của nhân dân về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành ≥ 90%.

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ≥ 90%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 16.1: Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận:*

Trên địa bàn xã Bình An có 02 mô hình:

+ Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật:

Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, PBGDPL” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 25/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt điểm số tối đa.

Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Long Thành công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 thể hiện xã Bình An đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 với tổng số điểm là 93 điểm, trong đó Tiêu chí 2, đạt 30/30 điểm.

+ Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác PBGDPL:

Năm 2023, UBND xã Bình An có văn bản gửi các tổ chức doanh nghiệm, hộ kinh doanh trên địa bàn hỗ trợ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; kết quả đã vận động được 3,5 triệu đồng.

+ Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này: Phòng Tư pháp huyện Long Thành đã có văn bản về việc khuyến khích nhân rộng đối với mô hình “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật trực tiếp cho đồng bào dân tộc thiểu số” tại xã Bình An và được UBND huyện Long Thành khen thưởng các tập thể có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện mô hình tuyên truyển, phổ biến pháp luật và mô hình hòa giải ở cơ sở.

+ Mô hình điển hình về hòa giải cơ sở:

+ 4/4 Tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở: Năm 2023, 04 tổ hòa giải của 04 ấp trên địa bàn xã không tiếp nhận được yêu cầu nào của nhân dân đề nghị giải quyết. Cùng với đó, hàng tháng UBND xã hỗ trợ kinh phí sinh hoạt, văn phòng phẩm cho các tổ hòa giải là 100.000 đồng/tổ/tháng (Từ tháng 01 đến tháng 9) và 150.000 đồng/tổ/tháng (Từ tháng 10 đến tháng 12), tổng số tiền là 5.400.000 đồng.

+ Có hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải: Trong năm 2023, UBND xã đã phối hợp với Công an xã,… tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên về kỹ năng hòa giải.

+ Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này: Phòng Tư pháp huyện Long Thành đã có văn bản về việc khuyến khích nhân rộng đối với mô hình “Tổ hòa giải 5 tốt” ấp An Viễng, xã Bình An trên phạm vi toàn huyện. Mô hình này, trong năm 2023 đã được UBND huyện Long Thành khen thưởng các tập thể có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện mô hình tuyên truyển, phổ biến pháp luật và mô hình hòa giải ở cơ sở.

*- Chỉ tiêu 16.2: Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:*

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên.

Năm 2023, 04 tổ hòa giải của 04 ấp trên địa bàn xã không tiếp nhận được yêu cầu nào của nhân dân đề nghị giải quyết.

*- Chỉ tiêu 16.3: Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:*

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên: Trong năm 2023, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tiếp nhận 5/5yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã Bình An và đã thực hiện trợ giúp pháp lý 5/5vụ việc theo quy định, đạt 100%.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**17. Tiêu chí số 17: Môi trường**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng *kỹ* thuật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ≥ 80%.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ≥ 95%.

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa tang ≥ 10%.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥ 4m2/người.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ≥ 90%.

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT đạt 100% *(QĐ 09).*

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 17.1: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:*

Trên địa bàn xã không có Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản.

*- Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:*

Trên địa bàn xã Bình An không có làng nghề và cơ sở nuôi trồng thủy sản; có 182 cơ sở kinh doanh đang hoạt động. 182/182 đối tượng không phải lập thủ tục môi trường; các cơ sở hợp đồng thu gom chất thải rắn.

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT đạt 100%.

*- Chỉ tiêu 17.3: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:*

***Chất thải rắn sinh hoạt***

Xã Bình An được chia thành 4 ấp gồm ấp An Viễng, An Bình, Bàu Tre, Sa Cá. Địa bàn xã có 2.133 hộ với 9.339 nhân khẩu, trong đó có 2.054/2.133 hộ ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Hợp tác xã NN-TH An Bình thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trực tiếp từ hộ dân chuyển đến bãi rác trung chuyển tạm tại ấp An Viễng, sau đó công ty Sonadezi thu gom và vận chuyển rác thải về nhà máy xử lý rác tại xã Bàu Cạn để xử lý đúng theo quy định, còn lại 79 hộ đăng ký tự xử lý chất thải thực phẩm tại nhà hợp vệ sinh theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

UBND xã đã ký kết hợp đồng trách nhiệm với 01 hợp tác xã. Hàng ngày, xe thu gom rác của Hợp tác xã HTX NN-TH An Bình tiến hành thu gom rác từ các hộ dân vận chuyển về điểm trung chuyển. Sau đó được xe của công ty Sonadezi thu gom và vận chuyển rác thải về nhà máy xử lý rác tại xã Bàu Cạn. Định kỳ, hợp tác xã và công ty Sonadezi đều báo cáo tình hình thu gom và khối lượng rác vận chuyển gửi về UBND xã để giám sát, theo dõi. Đối với việc phân loại rác và tận thu phế liệu, UBND xã mời các đối tượng đến làm việc và làm cam kết ngưng phân loại và tận thu phế liệu.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt trung bình phát sinh trên địa bàn xã Bình An được thu gom, xử lý là: 2 kg/ngày, khối lượng rác thải tự xử lý nhóm thực phẩm: 1.776,2 kg/ngày của 79 hộ, chất thải tái chế người dân bán cho các đơn vị thu mua phế liệu 1475,3 kg/ngày, chất thải cồng kềnh người dân tự liên hệ với đơn vị xử lý là 2 kg/ngày, rác thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt 1,4 kg/ngày được tập kết tại các thùng chứa khi đầy thông báo phòng Tài nguyên và Môi trường để liên hệ đơn vị có chức năng xử lý, rác sinh hoạt được đưa về nhà máy xử lý rác tại xã Bàu Cạn 75.341,8 kg/ngày.

Hợp tác xã có đủ năng lực để thực hiện việc thu gom rác thải sinh hoạt của các hộ dân trên địa bàn xã. Thời gian thu gom 03 lần/01 tuần (thứ 2, thứ 4, thứ 6 và thứ 3, thứ 5, thứ 7), đảm bảo thu gom hết rác thải rác thải trên địa bàn.

***Chất thải rắn không nguy hại***

Tổng khối lượng chất thải phát sinh từ hoạt động trồng trọt khoảng 904,3 tấn/năm (như rau, củ các loại …) một phần được người dân tận dụng cho chăn nuôi khoảng 26,3 tấn/năm, phần còn lại được người dân xử lý trong các hố tự hủy để ủ làm phân bón cho cây trồng khoảng 128,9 tấn/năm.

Chất thải chăn nuôi phát sinh từ các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn xã khoảng 341,2 tấn/năm được hộ chăn nuôi thu gom, ủ phân và bán cho đơn vị có nhu cầu.

Trên địa bàn xã có 177 cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động. Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại của cơ sở phát sinh khoảng 920,6 kg/năm được cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

*- Chỉ tiêu 17.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả:*

2.133 hộ/2.133 hộ, đạt 100% hộ gia đình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại.

*- Chỉ tiêu 17.5: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.*

Xã Bình An hiện nay với 04 ấp gồm 2.133 hộ/khoảng 9.339 khẩu. Trong đó, số hộ đã đăng ký thực hiện phân loại rác tại nhà 2.054/2.133 hộ đạt tỷ lệ 96,3%.

- Chất thải nguy hại trong sinh hoạt như pin (tiểu), bóng đèn điện quang… với tổng khối lượng phát sinh là 514,81 kg/năm (khoảng 1,4kg/ngày). Trong đó: Tổng số hộ, cơ quan, tổ chức: 2.139 (hộ gia đình là 2.133 hộ và 06 cơ quan, tổ chức).

- Chất thải thực phẩm: tổng khối lượng phát sinh là 648,33 tấn/năm (khoảng 1.776,2 kg/ngày), (hộ gia đình là 2.146 hộ và 06 cơ quan, tổ chức).

- Chất thải thông thường không tái chế được: tổng khối lượng phát sinh là 389,6 tấn/năm (khoảng 1.067,3 kg/ngày), (hộ gia đình là 2.133 hộ và 06 cơ quan, tổ chức).

- Chất thải thông thường tái chế được: tổng khối lượng phát sinh là 538,5 tấn/năm (khoảng 1.475,3 kg/ngày), (hộ gia đình là 2.133 hộ và 06 cơ quan, tổ chức).

- Chất thải cồng kềnh: tổng khối lượng phát sinh là 22 tấn/năm (khoảng 5,5 tấn/quý), (hộ gia đình là 2.133 hộ và 06 cơ quan, tổ chức).

*- Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

***- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân:*** Chất thải nguy hại sinh hoạt phát sinh gồm bóng đèn, giẻ lau nhiễm dầu nhớt… khoảng 0,2 kg/ngày được người dân phân loại và bỏ tại các thùng rác chứa chất thải nguy hại mà xã đã bố trí. Hiện nay trên địa bàn xã Bình An đã bố trí 04 thùng rác thu hồi chất thải nguy hại trên địa bàn 4 ấp. Khi chất thải trong các thùng chứa đầy, UBND xã sẽ tổng hợp, báo cáo phòng Tài nguyên và Môi trường để thuê đơn vị có chức năng, xử lý theo quy định.

***Chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất, chăn nuôi.***

Chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất, chăn nuôi: Chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã phát sinh khoảng 760 kg/năm được các đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.

*- Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường:*

- Khối lượng chất thải phát sinh trong chăn nuôi và trồng trọt là 1281.5 tấn/năm.

- Khối lượng chất thải phát sinh trong chăn nuôi và trồng trọt được thu gom, xử lý, tái sử dụng: 1327.2 tấn/năm.

- Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng so với khối lượng chất thải phát sinh đạt 96.1 % (1281.5/1327.2 tấn/năm).

- Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ trong chăn nuôi so với tổng số hộ gia đình, trang trại đạt 100% (65/65 hộ).

*- Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường:*

UBND xã tổ chức các hoạt động quản lý môi trường đối với chất thải, nước thải trong hoạt động chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã, kiện toàn Đoàn kiểm tra đối với hoạt động xả thải gây ô nhiễm môi trường của các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã; trong đó tập trung kiểm tra, tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi ven khu vực suối trên địa bàn xã thực hiện tốt các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trên địa bàn xã hiện không có hộ chăn nuôi quy mô trang trại do tình hình kinh tế khó khăn, giá cả thị trường không ổn định và dịch bệnh heo tai xanh, dịch tả châu phi nên hầu hết các trang trại bỏ trống hoặc phá trại để sản xuất nông nghiệp.

Hiện trên địa bàn xã có 65 cơ sở chăn nuôi nông hộ (16 cơ sở chăn nuôi heo với tổng số đàn là 596 con, 12 cơ sở nuôi gà với tổng số đàn là 33.700 con, 02 cơ sở nuôi vịt với tổng số đàn là 3.500 con, 35 cơ sở chăn nuôi bò với tổng số đàn là 384 con). Các hộ chăn nuôi không nằm trong khu dân cư, chuồng trại tách biệt nơi ở với người; thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi, thực hiện khử trùng chuồng trại theo quy định; xử lý chất thải trong hoạt động chăn nuôi theo quy định. Các cơ sở chăn nuôi đều xử lý bằng các công trình xử lý nước thải, chất thải đạt chuẩn theo quy định, không xả chất thải, nước thải chảy tràn ra mương, suối gây ô nhiễm môi trường. 100% các cơ sở chăn nuôi đều đảm bảo vệ sinh thú y, các quy định về chăn nuôi.

*- Chỉ tiêu 17.9: Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch:*

Trên địa bàn xã Bình An có 03 nghĩa trang, nghĩa địa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.03 nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn xã đều có đường dẫn vào khu nghĩa trang nghĩa địa là đường bê tông xi măng, có hệ thống đèn đảm bảo chiếu sáng cho khu nghĩa trang vào buổi tối, có khuôn viên đảm bảo cảnh quan “sáng - xanh - sạch - đẹp”, có tường rào được xây bao quanh khu vực nghĩa trang, nghĩa địa, hệ thống thoát nước đảm bảo đi lại thuận tiện, không lầy lội ngập úng, các phần mộ chôn mới trong nghĩa trang hiện hữu được bố trí theo thẳng hàng, lối, có quy chế về sử dụng nghĩa trang, nghĩa địa và có ban quản lý nghĩa trang, nghĩa địa theo quy định.

*- Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:*

Trên địa bàn xã Bình An không có cơ sở hoả táng. Từ đầu năm 2023 đến nay, số người chết trên địa bàn xã là 55 người, trong đó không có người sử dụng hình thức hoả táng, tỷ lệ 0%.

*- Chỉ tiêu 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:*

Thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ, hằng năm UBND xã Bình An đã có thông báo trên hệ thống Đài truyền thanh xã và thông báo đến các đơn vị, đoàn thể trên địa bàn xã về việc rà soát, đăng ký nhu cầu trồng cây xanh phân tán của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trên địa bàn.

Ngoài ra, thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp, người dân trên địa bàn xã vẫn chủ động trồng các loại cây lâu năm thuộc cây ăn quả, cây công nghiệp trong 94 loài cây trồng và các loại cây lâu năm khác phù hợp theo nhu cầu và mục đích sử dụng của người dân.

Căn cứ Quyết định số 8935/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Long Thành về phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An giai đoạn 2025 dài hạn đến năm 2030, theo đó, xã Bình An theo quy hoạch có 06 điểm dân cư tập trung với diện tích 430,79 ha, với sức chứa ≥ 95.731 người phát triển các điểm dân cư tập trung tại các vị trí thuận lợi về giao thông, có nền đất ổn định và có quá trình lịch sử hình thành nhằm tạo động lực thúc đẩy đô thị hóa nông thôn, đưa các dịch vụ, tiện ích công cộng về gần hơn với cư dân nông thôn, làm cho người dân thụ hưởng các tiện ích một cách tối ưu nhất. Do đó, UBND xã đã tổ chức thực hiện thống kê hiện trạng diện tích cây xanh tại 6 điểm dân cư. Tổng số hộ dân hiện hữu tại các điểm dân cư này 95.731 người; diện tích cây xanh công cộng xanh là 430,79ha, tỷ lệ trung bình đạt 4,5m2/người.

*- Chỉ tiêu 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:*

Trung bình mỗi ngày khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã Bình An khoảng 469 kg, trong đó phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân 342 kg, chất thải nhựa phát sinh các cơ sở sản xuất kinh doanh khoảng 115 kg/ngày, chất thải nhựa phát sinh khu vực công cộng, trên các tuyến đường giao thông khoảng 12 kg/ngày được người dân phân loại bán cho các cơ sở phế liệu khoảng 281 kg/ngày, còn lại khoảng 188 kg/ngày được 02 HTX thu gom, vận chuyển về Bãi trung chuyển rác tại xã Bàu Cạn. UBND xã đã ký kết hợp đồng trách nhiệm với 01 hợp tác xã. Hàng ngày, xe thu gom rác của Hợp tác xã HTX NN-TH An Bình tiến hành thu gom rác từ các hộ dân vận chuyển về điểm trung chuyển. Sau đó được xe của công ty Sonadezi thu gom và vận chuyển rác thải về nhà máy xử lý rác tại xã Bàu Cạn. Định kỳ, hợp tác xã và công ty Sonadezi đều báo cáo tình hình thu gom và khối lượng rác vận chuyển gửi về UBND xã để giám sát, theo dõi. Đối với việc phân loại rác và tận thu phế liệu, UBND xã mời các đối tượng đến làm việc và làm cam kết ngưng phân loại và tận thu phế liệu.

Chất thải nhựa có thể tái chế được thu hồi triệt để để bán cho các đơn vị sản xuất hạt nhựa; đối với phần rác thải nhựa không thể tái sinh sẽ được băm nhỏ để giảm thể tích và chôn lấp theo quy định.

Như vậy, tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý đúng quy định là 469 kg/469 kg, đạt tỷ lệ 100%. Trên địa bàn xã không có rác thải nhựa thải bỏ không đúng quy định tại các hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông.

*- Chỉ tiêu 17.7 (QĐ 09): Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT:*

+ Tỷ lệ chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn thu gom, xử lý đạt 100%, khối lượng phát sinh là 600 kg được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

+ Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV trên địa bàn thu gom, xử lý đạt 100%, khối lượng phát sinh 760 kg được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**18. Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 85%, trong đó từ hệ thống cấp nước tập trung ≥ 65%.

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥ 70%.

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 18.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn:*

Thường xuyên vận động nhân dân sử dụng máy lọc nước trong sinh hoạt hàng ngày. Hầu hết các hộ dân đều ý thức được việc sử dụng nước sạch có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình. Hằng năm, UBND xã tổ chức triển khai điều tra Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch, vệ sinh nông thôn trên toàn địa bàn xã, kết quả điều tra làm căn cứ đánh giá tỷ lệ người dân đã sử dụng nước sạch, từ đó tiến hành vận động người dân sử dụng nước sạch bằng nhiều hình thức như: tham gia sử dụng hệ thống CNTT, sử dụng các loại máy lọc nước từ các thương hiệu như KAROFI, DAIKIO, ECOGREEN….

Trên địa bàn ấp có 01 Trạm cấp nước tập trung được Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường tỉnh Đồng Nai đầu tư xây dựng từ năm 2010, hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2011 với công suất thiết kế 950m3/ngày cho khoảng 4.800 người (khoảng 1.400 hộ), tổng chiều dài hệ thống đường ống cấp nước sạch là 9.369,5m. Về công tác quản lý, vận hành trạm cấp nước: Trạm cấp nước tập trung do Hợp tác xã nông nghiệp tổng hợp An Bình quản lý. HTX hoạt động trong 02 lĩnh vực: Thu gom rác thải và quản lý, vận hành Trạm CNTT.

Tổng số hộ dân trên địa bàn ấp An Bình, An Viễng là 1.593 hộ với 6.882 nhân khẩu, trong đó 1.404 hộ/1.593 hộ 02 ấp đấu nối tham gia sử dụng nước máy từ công trình cấp nước tập trung, chiếm tỷ lệ 88,13% tổng số hộ thiết kế và chiếm 65,8% số hộ thực tế toàn xã.

Về công trình cấp nước nhỏ lẻ: trên địa bàn 02 ấp có 56 giếng khoan, 43 hộ sử dụng thiết bị máy lọc nước gia đình. Bên cạnh đó, một số hộ dân cũng sử dụng nước bình mua từ các đơn vị kinh doanh nước lọc trên địa bàn. Nước sau khi được lọc hoặc mua về, các hộ đều đun sôi sau đó dùng để phục vụ ăn, uống trong gia đình. Bên cạnh việc sử dụng nước từ Trạm CNTT trong sinh hoạt, một số hộ vẫn sử dụng nước giếng cho các việc như tưới cây, dọn sân, cổng…

Trên địa bàn 02 ấp Sa Cá, Bàu Tre không có hệ thống CNTT. Do đặc thù về vị trí địa lý của địa phương, 02 ấp này cách xa trạm cấp nước tập trung khoảng 5km, nên người dân sinh sống tại khu vực ấp Sa Cá, Bàu Tre không thể tiếp cận với nguồn CNTT của xã; bên cạnh đó do công suất thiết kế của Trạm cũng không thể đảm bảo phục vụ thêm cho khu vực ấp Sa Cá, Bàu Tre và không thể mở rộng hệ thống đường ống thoát nước.

Qua điều tra, rà soát năm 2023, tổng số hộ dân trên địa bàn xã là 2.133 hộ 100% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

Tổng số hộ sử dụng nước sạch: 1.882 hộ/2.133 hộ, đạt 88,2%. Trong đó:

+ Từ công trình cấp nước tập trung xã Bình An: 1.404 hộ/2.133 hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống CNTT, đạt 65,8%.

Do công suất của Trạm CNTT ấp An Bình không thể phục vụ các hộ dân trên địa bàn ấp Sa Cá, ấp An Bình cũng như HTX nông nghiệp tổng hợp An Bình không có kinh phí để mở rộng đường ống, để người dân trên địa bàn ấp An Bình được tiếp cận với nguồn nước sạch từ công trình CNTT, đầu năm 2024, UBND xã phối hợp Phòng tài nguyên môi trường làm việc với Công ty Cấp nước Thiện Tân về việc đấu nối đường ống cấp nước của Công ty trên địa bàn ấp Sa Cá, Bàu Tre cũng như mở rộng thêm tại khu vực ấp An Bình, An Viễng, qua làm việc và họp dân, đa số các hộ dân đều thống nhất về việc sử dụng nước do Công ty cung cấp; tuy nhiên nguồn vốn đầu tư của Công ty trong năm 2024 hiện chưa đủ để thực hiện trên địa bàn xã Bình An nên sẽ thực hiện từ nay đến cuối năm 2025, chủ yếu là các hộ dân trong khu dân cư tập trung trên địa bàn ấp Sa Cá, ấp Bàu Tre hiện nay đã có 540 hộ dân đăng ký tham gia sử dụng nước.

**+** Từ thiết bị máy lọc nước gia đình: có 172 hộ/2.133 hộ sử dụng thiết bị lọc nước RO với nhiều nhãn hiệu khác nhau như Aqua, Pengo, Sunhouse, Dakio…, đạt 8%.

**+** Từ giếng khoan: có 306 hộ/2.133 hộ sử dụng, chiếm 14,34%.

- Ngoài ra còn có 251 hộ/2.133 hộ sử dụng nước bình mua từ các cơ sở SXKD nước lọc, chiếm 11,7%.

*- Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:*

Hiện nay nhu cầu sử dụng nước sạch của các hộ dân trên địa bàn xã ngày càng tăng, người dân đã chủ động lắp đặt các máy lọc nước để có nguồn nước sạch sử dụng hàng ngày. Công trình cấp nước tập trung xã Bình An hoạt động tương đối bền vững, hệ thống xử lý nước của trạm cấp nước đảm bảo đáp ứng quy chuẩn của Bộ y tế, nước sạch của trạm cấp nước được xét nghiệm định kỳ 6 tháng/lần nhằm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp cho người dân.

UBND xã cùng với HTX nông nghiệp tổng hợp An Bình thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, chủ động tích trữ nước và thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước.

Đến nay, 100% người dân trên địa bàn xã được cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân trên 80 lít/đầu người/ngày đêm từ các nguồn cấp nước khác nhau như trạm cấp nước, máy lọc nước, giếng khoan… đạt chất lượng nước sạch theo quy định.

*- Chỉ tiêu 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững:*

Trên địa bàn xã Bình An có 01 Trạm CNTT xã Bình An tại ấp An Bình.

Theo Thang điểm đánh giá công trình cấp nước bền vững tại Hướng dẫn số 2455/HD-SNN ngày 31/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai, Trạm CNTT xã đạt 80 điểm/100 điểm. Kết quả đánh giá: công trình hoạt động tương đối bền vững. Cụ thể:

- Công trình cấp nước tập trung xã Bình An do Hợp tác xã nông nghiệp tổng hợp An Bình quản lý, theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2024 thì tiền nước thu được đảm bảo đủ chi trả cho công tác quản lý vận hành và sửa chữa nhỏ (đạt 20 điểm).

- Trạm cấp nước thực hiện việc xét nghiệm nước định kỳ 6 tháng/lần, chất lượng nước sạch sau khi xử lý của công trình đạt quy chuẩn của Bộ y tế. Hợp tác xã định kỳ theo quy định gửi mẫu nước của công trình về các Công ty, Trung tâm có chức năng xét nghiệm theo quy định nhằm kiểm tra chất lượng nước, theo đó chất lượng nước đáp ứng QCVN02 của Bộ Y tế (đạt 20 điểm).

- Trạm cấp nước cung cấp nước sạch thường xuyên trong năm, luôn luôn ổn định, do đó đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng nước sạch từ Trạm cấp nước của người dân (20 điểm).

- Tỷ lệ công suất khai thác thực tế sau nhiều năm đưa vào sử dụng của công trình so với công suất thiết kế: hiện Trạm CNTT đang cung cấp cho 1.403 hộ trên địa bàn ấp An Bình, An Viễng với 6483 nhân khẩu. Lượng nước cung cấp bình quân đầu người/ngày đêm từ ngày 01/4/2024 đến ngày 30/5/2024 là 578m3 nước, so với công suất thiết kế 950m3/ ngày đạt 60,8% (đạt 20 điểm).

- Cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý vận hành phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình: công trình có 5 cán bộ quản lý, chưa có cán bộ tham gia khóa đào tạo, tập huấn về quản lý, vận hành công trình, chưa đảm bảo. (0 điểm).

*- Chỉ tiêu 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm:*

- Tổng số hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã: 719 hộ.

- Tổng số hộ gia đình, sản xuất kinh doanh thực phẩm được tập huấn kiến thức ATTP: 719/719, đạt 100%; trong đó:

+ Cơ sở trồng trọt ban đầu nhỏ lẻ: 567 hộ.

+ Cơ sở chăn nuôi ban đầu nhỏ lẻ: 72 hộ.

+ Cơ sở được chứng nhận mô hình VietGap: 2 hộ.

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 78 hộ.

Xã Bình An có 100 % hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn kiến thức ATTP đầy đủ theo quy định.

*- Chỉ tiêu 18.5: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã:*

Trong năm trên địa bàn xã Bình An không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm như: ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm, không có trường hợp phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. Không xảy ra trường hợp sản phẩm từ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã không là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.

*- Chỉ tiêu 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm:*

- Tổng số cơ sở sơ chế chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn xã: 02 hộ.

- Tổng số cở sở được chứng nhận VietGAP là 02 hộ. (đã được Công ty cổ phần giám định và khử trùng FCC cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản phẩm được sản xuất phù hợp quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trồng trọt tại Việt Nam theo TCVN 11892-1:2017, ban hành ngày 17/10/2017.)

*- Chỉ tiêu 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch:*

Qua thống kê rà soát trên địa bàn xã hiện có 2.133 hộ/2.133 hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch, trong đó:

**- Ấp An Bình**: số hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch: 759 hộ/759 hộ, trong đó:

+ Nhà tiêu được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu: 759 hộ/759 hộ

+ Nhà tiêu có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp túc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân: 248 hộ/248 hộ.

+ Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che: 759 hộ/759 hộ

+ Nước thải được xử lý và xả thải đúng nơi quy định: 759 hộ/759 hộ.

+ Bể chứa nước có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng: 759 hộ/759 hộ.

+ Vật liệu làm bể chứa không có thành phần độc hại: 759 hộ/759 hộ.

+ Bể chứa có nắp đậy kín: 759 hộ/759 hộ.

+ Có vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần: 759 hộ/759 hộ.

**- Ấp An Viễng**: số hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch: 834 hộ/834 hộ, trong đó:

+ Nhà tiêu được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu: 834 hộ/834 hộ.

+ Nhà tiêu có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp túc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân: 834 hộ/834 hộ.

+ Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che: 834 hộ/834 hộ.

+ Nước thải được xử lý và xả thải đúng nơi quy định: 834 hộ/834 hộ.

+ Bể chứa nước có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng: 834 hộ/834 hộ.

+ Vật liệu làm bể chứa không có thành phần độc hại: 834 hộ/834 hộ.

+ Bể chứa có nắp đậy kín: 834 hộ/834 hộ.

+ Có vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần: 834 hộ/834 hộ.

**- Ấp Sa Cá**: số hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch: 324 hộ/324 hộ, trong đó:

+ Nhà tiêu được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu: 324 hộ/324 hộ.

+ Nhà tiêu có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp túc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân: 324 hộ/324 hộ.

+ Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che: 324 hộ/324 hộ.

+ Nước thải được xử lý và xả thải đúng nơi quy định: 324 hộ/324 hộ.

+ Bể chứa nước có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng: 324 hộ/324 hộ.

+ Vật liệu làm bể chứa không có thành phần độc hại: 324 hộ/324 hộ.

+ Bể chứa có nắp đậy kín: 324 hộ/324 hộ.

+ Có vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần: 324 hộ/324 hộ.

**- Ấp Bàu Tre**: số hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch: 216 hộ/216 hộ, trong đó:

+ Nhà tiêu được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu: 216 hộ/216 hộ

+ Nhà tiêu có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp túc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân: 216 hộ/216 hộ.

+ Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che: 216 hộ/216 hộ.

+ Nước thải được xử lý và xả thải đúng nơi quy định: 216 hộ/216 hộ.

+ Bể chứa nước có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng: 216 hộ/216 hộ.

+ Vật liệu làm bể chứa không có thành phần độc hại: 216 hộ/216 hộ.

+ Bể chứa có nắp đậy kín: 216 hộ/216 hộ.

+ Có vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần: 216 hộ/216 hộ.

Trên địa bàn xã Bình An hiện nay chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nước thải sinh hoạt của các hộ dân được thu gom vào hầm tự hoại hoặc hầm rút để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt tiêu chuẩn.

*- Chỉ tiêu 18.8: Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường:*

- Để thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn, UBND xã đã lắp đặt thùng rác phân loại tại các hộ gia đình gồm 2 thùng (màu xanh dùng đựng rác thực phẩm - màu xám đựng rác sinh hoạt khác) để người dân thực phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn. Tổng số thùng rác đã được lắp đặt tại ấp An Bình 110 thùng, ấp An Viễng là 120 thùng. Đồng thời, hướng dẫn người dân tự xử lý nhóm rác thực phẩm sau khi phân loại bằng nhiều biện pháp như làm phân bón, thức ăn chăn nuôi.

- Qua rà soát và kiểm tra năng lực của các đơn vị thu gom rác trên địa bàn xã. UBND xã đã lựa chọn được 01 đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt là HTX NNTH An Bình. Không có bãi chôn lấp chất thải sinh. Toàn bộ chất thải sinh hoạt được đơn vị thu gom tại địa phương thu gom, tập kết tại điểm trung chuyển rác ấp An Viễng, sau đó được Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi vận chuyển đến khu xử lý Quang Trung của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi xử lý theo quy định.

- Giữ gìn, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần vào việc ứng phó với biến đổi khí hậu; phát huy hiệu quả các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư trong việc giám sát công tác quản lý đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ở địa phương.

- Luôn duy trì tỉ lệ rác sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tỉ lệ 100%, chất thải công nghiệp thông thường được thu gom, xử lý đạt tỉ lệ 100%, chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tỉ lệ 100%, chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tỉ lệ 100%.

- Tích cực vận động các tổ chức tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như tham gia hướng dẫn, tuyên truyền, vận động đồng bào các tín đồ tôn giáo phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cũng như hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sau khi được phân loại.

*- Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (QĐ 09):*

*+* Lĩnh vực nông nghiệp:Tổng số hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã Bình An do xã quản lý trồng trọt 567 hộ, hộ chăn nuôi 72 hộ. Tổng số hộ cam kết và thực hiện cam kết đảm an toàn thực phẩm đạt 100%.

+ Lĩnh vực y tế:Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn xã Bình An do xã quản lý là 30 hộ. Tổng số hộ cam kết và thực hiện cam kết đảm an toàn thực phẩm là 30 hộ, đạt 100%.

+ Lĩnh vực công thương: Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn xã Bình An do xã quản lý là 30 hộ. Tổng số hộ cam kết và thực hiện cam kết đảm an toàn thực phẩm là 30 hộ, đạt 100%.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên do cố ý và bản án có hiệu lực; có mô hình camera an ninh và các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, cháy, nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

**b) Kết quả triển khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 19.1: Ban chỉ huy Quân sự xã thực hiện đảm bảo các nội dung theo quy định nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy và lực lượng dân quân. Cụ thể:*

+ Ban hành đầy đủ, có chất lượng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng địa phương hàng năm theo hướng dẫn của Phòng Chính trị. Ban hành đầy đủ hệ thống sổ, sách (3 loại sổ tay; 06 loại tài liệu đánh máy) trong tiến hành CTĐ, CTCT đối với CB, CS LLVT xã, quy định tại hướng dẫn số 1443-HD-PCT, ngày 21/5/2018 của Cục chính trị QK7. Hoàn thành 100% chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức QP và AN cho cán bộ của xã và các đối tượng khác; phối hợp giáo dục QPAN cho học sinh đạt 100% chỉ tiêu của Hội đồng giáo dục QP và AN cấp huyện.

+ Tổng số đoàn viên chi đoàn Quân sự 09/09, đạt 100%; Thực hiện tốt mô hình chi đoàn 04 tốt, 01 nghiêm (đoàn kết tốt, học tập tốt, rèn luyện tốt, công tác tốt và 01 nghiêm - kỷ luật nghiêm).

+ Xây dựng Ban CHQS đủ về số lượng và chất lượng theo quy định của Luật DQTV và Luật Công chức, biên chế đủ 5 đồng chí; thực hiện tốt mô hình thi đua 03 nhất và mô hình 5s, cải cách hành chính quân sự.

+ Năm 2023, Ban CHQS xã xây dựng lực lượng Dân quân theo đúng chỉ tiêu phân bổ của trên đạt 100% chỉ tiêu trên giao toàn xã là 118/118 đồng chí, đạt 100% kế hoạch về chất lượng chính trị. Lực lượng DBĐV được biên chế là 186 đồng chí, đảng viên trong DBĐV là 30 đồng chí đạt 25,42%.

+ Thực hiện công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ và tham gia nghĩa vụ công an nhân dân hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Năm 2023, tham mưu cho Hội đồng NVQS xã thực hiện tốt công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2023, hoàn thành chỉ tiêu giao quân. Tổng số: 15/15 thanh niên đạt 100%.

+ Hoàn thành 100% chỉ tiêu giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân, DBĐV; quân số tham gia huấn luyện đạt 100%; kết quả kiểm tra có 100% đạt yêu cầu, trong đó có 75% khá giỏi; 100% đồng chí theo kế hoạch tham gia đầy đủ các lớp tập huấn.

+ Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống cho CB, CS; đảm bảo 100% DQ và QNDB có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, địa phương.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch Dân quân nắm hộ dân nơi cư trú đến toàn thể lực lượng thuộc quyền, hàng tháng tổ chức giao ban đơn vị đánh giá hiệu quả qua công tác triển khai thực hiện từ đó rút ra những kinh nghiệm trong công tác triển khai thực hiện. Triển khai tổ chức hoạt động có hiệu quả "Mô hình Dân quân nắm hộ dân". Phối hợp với các ban ngành đoàn thể, đơn vị quân đội, công an... thực hiện công tác DV, TTĐB theo kế hoạch của Đảng uỷ - UB và cấp trên. Phối hợp với Công an thực hiện tốt Nghị định số 02/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của DQTV; Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng, thực hiện tốt phối hợp tuần tra sau 21h00 giữ vững ANCT-TTATXH.

+ Đảm bảo tốt các mặt công tác hậu cần đời sống: Ban CHQS xã có trụ sở làm việc, trang thiết bị, nơi ăn nghỉ đảm bảo khang trang sạch, đẹp; đơn vị bảo đảm phương tiện 2 xe mô tô phục vụ tổ chức hoạt động thường xuyên tuần tra trên địa bàn do Ban CHQS huyện cấp; thường xuyên chăm sóc, xây dựng cảnh quan đơn vị xanh, sạch, đẹp.

+ Bảo đảm tốt các mặt công tác kỹ thuật: thường xuyên tổ chức cho lực lượng dân quân tháo lắp và sử dụng thành thạo vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện khi ôn luyện, huấn luyện cũng như thực hiện nhiệm vụ; tổ chức niêm cất súng được biên chế vào 01 tủ súng kèm thêm 4 chìa khoá như khoá vòng cò, hộp đạn, khoá ngoài trên và dưới đúng theo hướng dẫn của cấp trên.

*- Chỉ tiêu 19.2:*

Đến thời điểm hiện tại, xã Bình An đã đạt chuẩn 07 nội dung yêu cầu theo đúng quy định của Công an tỉnh, huyện. Cụ thể:

- Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh trật tự; tổ chức xây dựng và hoạt động có hiệu quả toàn dân bảo vệ tổ quốc và các mô hình đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Không có các vi phạm quy định tại Điều 4 Thông tư 124/2021/TT-BCA.

- Trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Công an xã xây dựng chương trình công tác đảm bảo ANTT tại địa phương. Xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm tội xâm hại trẻ em.

- Năm 2022:

+ Phạm pháp hình sự: xảy ra 05 vụ.

+ Tệ nạn xã hội: xảy ra 01 vụ đánh bạc, 15 vụ sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Tai nạn giao thông, cháy nổ: Không xảy ra.

- Năm 2023:

+ Phạm pháp hình sự: xảy ra 03 vụ (giảm 02 vụ so với năm 2022).

+ Tệ nạn xã hội: xảy ra 01 vụ đánh bạc, 10 vụ sử dụng trái phép chất ma túy (giảm 05 vụ sử dụng trái phép chất ma túy).

+ Tai nạn giao thông, cháy nổ: Không xảy ra.

- Năm 2024:

+ Phạm pháp hình sự: xảy ra 02 vụ (giảm 01 vụ so với năm 2023).

+ Tệ nạn xã hội: 05 vụ sử dụng trái phép chất ma túy (giảm 01 vụ đánh bạc, giảm 05 vụ sử dụng trái phép chất ma túy).

+ Tai nạn giao thông, cháy nổ: Không xảy ra.

Thời gian từ năm 2022, đến nay đã kiềm chế, kéo giảm phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội; không xảy ra tai nạn giao thông, cháy nổ. Các vụ việc phạm pháp hình sự trong năm 2024 đều ít nghiêm trọng (theo kết quả bước đầu xác minh). Công an xã đã thực hiện tốt công tác điều tra thu thập hồ sơ ban đầu, chuyển cơ quan có thẩm quyền thụ lý theo quy định.

Năm 2023, xã Bình An đạt chuẩn “xã làm tốt công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mai dâm năm 2023”; danh hiệu được công nhận: chuyển hóa mạnh giảm tệ nạn ma túy, mại dâm, đạt mức 2; danh hiệu giữ vững: 14 năm, theo Quyết định số 98/QĐ-UBND, ngày 15/01/2024 của UBND huyện Long Thành công nhận xã làm tốt công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm năm 2023.

- Năm 2022: Tập thể Công an xã Bình An được đánh giá, xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; danh hiệu thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”: Đơn vị tiên tiến.

- Năm 2023: Tập thể Công an xã Bình An được đánh giá, xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; danh hiệu thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”: Đơn vị tiên tiến.

- Công an xã đã tham mưu UBND xã thành lập các mô hình về đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn như: mô hình “Tổ tự quản Camera an ninh” trên địa bàn xã Bình An (theo Quyết định số 09/QĐ-UBND, ngày 16/3/2023); mô hình Zalo đảm bảo an ninh trật tự tại khu dân cư trên địa bàn xã Bình An (theo Quyết định số 10/QĐ-UBND, ngày 16/03/2023).

- Công an xã đã tham mưu UBND xã thành lập 02 “Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy” trên địa bàn xã Bình An (theo Quyết định số 112/QĐ-UBND, ngày 30/08/2023 và Quyết định số 113/QĐ-UBND, ngày 30/08/2023) nhằm tăng cường, đảm bảo công tác PCCC và CNCH trên địa bàn xã.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**20. Tiêu chí bổ sung theo Bộ tiêu chí xã NTM: Tiêu chí số 18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (QĐ 09)**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

- Đảng bộ xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.

**b) Kết quả tri**ể**n khai thực hiện, nội dung, khối lượng thực hiện**

*- Chỉ tiêu 18.1: Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn:*

\* Đối với cán bộ chuyên trách xã: tổng số CBCT xã là 11 người; 11/11 người đạt chuẩn theo Quyết định 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai; hiện có 11/11 người đạt chuẩn theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

Về trình độ học vấn: 11/11 người tốt nghiệp THPT.

Về trình độ chuyên môn: Sau Đại học 0/11, Đại học 11/11 người, Cao đẳng 0/11 người.

Về trình độ chính trị: cao cấp chính trị 03/11 người, Cử nhân 0/11 người, trung cấp chính trị 08/11 người.

Về bồi dưỡng Tin học ứng dụng: 11/11 người có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

Về bồi dưỡng QP-AN: 11/11 người có chứng chỉ bồi dưỡng QP-AN đối tượng 3 và 4.

Về bồi dưỡng QLNN: 11/11 chuyên viên.

Ngoài ra hàng năm đều tham gia các lớp bồi dưỡng các chức danh đảm nhiệm theo quy định.

\* Đối với công chức xã: tổng số công chức xã là 9 người; 09/09 người đạt chuẩn theo Quyết định 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai; hiện có 09/09 người đạt chuẩn theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

Về trình độ học vấn: 12/12 người tốt nghiệp THPT.

Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 03/9 người, Đại học 06/9 người, Cao đẳng 0/9 người, Trung cấp 01/9 người.

Về trình độ chính trị: 9/9 người có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Về bồi dưỡng Tin học ứng dụng: 9/9 người có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

Về bồi dưỡng QP-AN: 9/9 người có chứng chỉ bồi dưỡng QP-AN đối tượng 4.

Về bồi dưỡng QLNN: 01/9 người bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên.

Ngoài ra hàng năm đều tham gia các lớp bồi dưỡng các chức danh đảm nhiệm theo quy định.

*- Chỉ tiêu 18.2: Đảng bộ xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:*

Đảng bộ xã Bình An có 10 Chi bộ, trong đó: 03 Chi bộ trường học, 04 Chi bộ ấp, 01 Chi bộ Quân sự, 01 Chi bộ Trạm Y tế và 01 chi bộ Công an. Số lượng Đảng viên: 210 đảng viên (trong đó có 06 đảng viên dự bị, miễn sinh hoạt đảng 17).

Về bộ máy: BCH Đảng bộ có 08 đồng chí, BTV Đảng ủy có 05 đồng chí gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã, Thường Trực Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã; Chủ tịch UB. MTTQVN xã và Chỉ huy trưởng BCHQS xã.

Năm 2023, Đảng bộ xã được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” tại Quyết định số 1288-QĐ/HU ngày 08/01/2024 của Huyện ủy huyện Long Thành.

*- Chỉ tiêu 18.3: Chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:*

Chính quyền xã gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

Năm 2023, chính quyền cơ sở xã được đánh giá đạt mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tại Quyết định số 10244/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Long Thành.

*- Chỉ tiêu 18.4: Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:*

Tổ chức chính trị - xã hội xã gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. Trong đó:

+ Hội Cựu chiến binh xã: hiện có 117 hội viên là, trong đó hội viên nòng cốt 50/117 hội viên, chiếm 42.73% số tổng số, tỷ lệ tập hợp hội viên sinh hoạt thường xuyên 90/117 hội viên, đạt 76,92%.

+ Hội Nông dân xã: hiện có 328 hội viên, trong đó: hội viên trong độ tuổi 328, tỷ lệ tập hợp hội viên sinh hoạt thường xuyên 279/328 hội viên, chiếm 85%, hội viên nòng cốt 148/328, chiếm 45% số tổng số.

+ Hội Phụ nữ:có tổng số HV Hội quản lý đến nay 2.790/2.968 đạt tỷ lệ 94%, (trong đó HV CBVC LĐ: 917 chị; HV Hội quản lý trực tiếp: 1.873 chị). Có 45 tổ PNTK (trong đó có 04 tổ TKVV nâng tổng số thành viên đến nay 232); tổng số HVNC 961 hv tỷ lệ 53,41%. Hội viên sinh hoạt thường xuyên 1688/1873, đạt 90%.

+ Đoàn Thanh niên CSHCM xã: có tổng số đoàn viên 208/2239 thanh niên trong độ tuổi toàn xã, đạt tỷ lệ 9,2%; đoàn viên nòng cốt là 120/208 đoàn viên, đạt 57,69%; đoàn viên sinh hoạt thường xuyên 171/208 đoàn viên, đạt 82,21%.

Ngoài ra. xã còn có 04 trưởng ấp, 04 trưởng ban công tác mặt trận ấp và các chi hội thuộc các đoàn thể chính trị xã hội xã. Có 03 tổ chức xã hội bao gồm: Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ và Hội Khuyến học.

Đánh giá chất lượng năm 2023, các đơn vị tổ chức chính trị đoàn thể đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

*- Chỉ tiêu 18.6: đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội:*

Xã thực hiện đảm bảo đạt 08 nội dung theo quy định:

+ Có tỷ lệ cấp uỷ viên là nữ đạt 20% (03/15 cấp ủy viên) và có quy hoạch 02 nữ lãnh đạo chủ chốt cấp xã.

+ Có 50% tỷ lệ phụ nữ tham gia vào hợp tác xã hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).

+ Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đạt 208/100 (208 trẻ, trong đó 108 bé trai, 100 bé gái).

+ Có 01 địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình (Trạm y tế xã).

+ UBND xã có bố trí 01 cán bộ phụ trách công tác Gia đình-Trẻ em, định kỳ tham gia các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức.

+ Xã có Ban điều hành chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em xã.

+ Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp chăm sóc đạt 100% (17/17 trẻ).

+ Trong năm 2023 đến 03 tháng đầu năm 2024, trên địa bàn xã không xảy ra trường hợp nào trẻ em bị xâm hại.

*- Chỉ tiêu 18.7: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp:*

Từ đầu năm 2023 đến nay xã Bình An đã tham gia và tổ chức 04 lớp tập huấn về Chương trình xây dựng nông thôn mới gồm:

- 01 lớp do Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, UBND huyện Long Thành tổ chức tại Huyện với 18 người gồm CBCC xã, đại diện Ban phát triển, Chi tổ hội tại ấp tham gia vào ngày 22 – 23/8/2023.

- 01 Lớp do Văn phòng Điều phối NTM huyện phối hợp Hội LHPN huyện tổ chức tại xã với 83 người tham dự gồm các hộ nông dân, HTX, THT vào ngày 11 - 12/9/2023.

- 02 Lớp do UBND xã tổ chức tại 04 ấp với số lượng: ấp An Viễng, ấp An Bình (210 người) vào ngày 09-10/9/2023, ấp Sa Cá, Bàu Tre (115 người) vào ngày 16-17/9/2023 là đại diện các hộ gia đình trên địa bàn 04 ấp, trong đó có các đại diện các THT, trang trại, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

Nội dung tập huấn: các chương trình, dự án về thực hiện xây dựng NTM, các Bộ tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Ngoài ra, UBND còn phối hợp với Chi cục Trồng trọt tỉnh, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, Công an huyện, BHYT huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức các Lớp tập huấn chuyên đề về từng nội dung, lĩnh vực trong các Bộ tiêu chí nông thôn mới như: hướng dẫn nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAHP, xây dựng chuỗi liên kết, mã vùng trồng, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện các thủ tục về chăn nuôi đảm bảo VSMT, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn người dân thực hiện công tác PCCC, giữ gìn đảm bảo ANTT, vận động người dân tham gia BHYT... Các lớp tập huấn này dù không thể khái quát tất cả các tiêu chí trong Bộ tiêu chí nhưng đã góp phần thay đổi nhận thức của người dân trong từng lĩnh vực cụ thể, góp phần thực hiện đạt Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn xã.

Bên cạnh đó, nhằm tăng tính tuyên truyền trong dân, UBND xã đã tổ chức cho các Hội viên các Chi hội trên địa bàn 04 ấp, đại diện một số hộ dân trên địa bàn phối hợp với một số CBCC xã tham gia Hội thi “Tìm hiểu vể Chương trình xây dựng nông thôn mới” do UBND huyện Long Thành tổ chức năm 2023; kết quả Đội thi của địa phương đạt Giải Nhì toàn huyện. Tham gia Hội thi đã góp phần nâng cao kiến thức của các thành viên, hội viên và nhân dân về các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**4.2. Kết quả thực hiện xã nông thôn mới kiểu mẫu**

Xã Bình An đã thực hiện đạt 06/06 tiêu chí chung, 04/04 tiêu chí lĩnh vực y tế theo quy định tại Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

**1. Tiêu chí số 01**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Thu nhập bình quân đầu người ≥ 10% so với mức thu nhập năm 2023 theo Bộ Tiêu chí NTM nâng cao.

**b) Kết quả thực hiện**

***- Tình hình tổ chức triển khai:***

Trên cơ sở được sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án, đề án, hàng năm UBND xã tổ chức triển khai thực hiện đến nhân dân, các Chương trình, Dự án, Đề án phát triển kinh tế xã hội đã được triển khai tại địa phương chủ yếu gồm: Dự án phát triển cây trồng chủ lực; chương trình hỗ trợ phòng chống dịch bệnh vật nuôi, chương trình đào tạo nghề nông thôn, chương trình hỗ trợ vay vốn, chương trình chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chương trình giảm nghèo …

*- Lĩnh vực nông nghiệp*: Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, Hội Nông dân huyện tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân như vận động nhân dân phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, tăng cường công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy nhanh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Dự án, Chương trình về nông nghiệp như Dự án cây trồng chủ lực, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả cao; tăng cường phối hợp hướng dẫn cho nhân dân vay vốn đầu tư cho sản xuất. Thực hiện tốt việc tổ chức triển khai công tác phun xịt tiêu độc khử trùng khu vực chăn nuôi, phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, hỗ trợ các hộ chăn nuôi xây dựng hệ thống xử lý chất thải. Được sự hỗ trợ của Hội Nông dân huyện, đã giúp đỡ cho các hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn được tiếp cận với các nguồn vốn vay từ Quỹ Hội Nông dân Tỉnh-Huyện với các lĩnh vực như chăn nuôi bò (300 triệu- năm 2020), trồng chôm chôm (750 triệu) và trồng ca cao (500 triệu) năm 2022, với khoản vay 50 triệu/hộ, đã góp phần giúp các hộ sản xuất có nguồn vốn phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp cũng được quan tâm đầu tư. Các loại máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp được áp dụng phổ biến trên địa bàn xã như máy kéo, máy xới, máy bơm nước, bình phun thuốc có động cơ. Việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần giảm chi phí sản xuất từ 11-15%, tăng năng suất 11-15 %, lợi nhuận tăng thêm 30%.

Đồng thời phối hợp với UBMMTQVN và các đoàn thể xã, ban quản lý ấp và Đài truyền thanh xã tổ chức tuyên truyền đến người dân trên địa bàn xã về việc thực hiện các nội dung theo kế hoạch đề ra, sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch hướng tới phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, lồng ghép trong các buổi tập huấn, hội thảo về chuyển giao KHKT trên cây trồng và vật nuôi có 25 buổi cho 750 thành viên các HTX, THT nông nghiệp và nông dân trên địa bàn xã, phối hợp với các tổ chức Tín dụng hỗ trợ nguồn vốn vay cho các hộ dân trên địa bàn xã đặc biệt là các hộ sản xuất nông nghiệp nhằm tạo điều kiện trong vốn sản xuất của các hộ dân, cải tiến sản xuất, nâng cao thu nhập.

- *Lĩnh vực Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ*: UBND xã luôn quan tâm tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh, các cơ sở vừa và nhỏ hoạt động được ổn định, phục vụ tốt cho sinh hoạt, tiêu dùng cho nhân dân trên địa bàn. Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khiến cho các hộ kinh doanh phải ngừng kinh doanh, được sự hỗ trợ của Nhà nước, đã giúp giải quyết một phần khó khăn của các hộ kinh doanh trên địa bàn; trong đó hỗ trợ cho 8 hộ kinh doanh và 202 người lao động tại các nhà trọ trên địa bàn bị thất nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ hơn 84 triệu đồng.

- *Tăng cường chính sách giảm nghèo*: tập trung giải quyết cho các hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất; đảm bảo cho các hộ nghèo nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững.

***- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:***

Năm 2021, xã Bình An đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao, xã đã tiến hành điều tra, thu thập thông tin mức sống dân cư trên địa bàn xã theo Kế hoạch điều tra của Công chức Thống kê huyện. Với mức thu nhập năm 2021 là 72.900.000 đồng/người. Năm 2024, theo số liệu quản lý dân cư trên địa bàn xã; toàn xã có 9.339 nhân khẩu với 2.133 hộ. Xã đang chuẩn bị triển khai các nội dung theo kế hoạch của ngành thống kê huyện triển khai thu nhập, điều tra mức sống dân cư trên địa bàn xã, dự kiến triển khai tháng 08/2024. Kết quả thẩm định tiêu chí này xã Bình An sẽ bổ sung hồ sơ minh chứng ngay sau khi có kết quả điều tra thu nhập trong tháng 08/2024.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**2. Tiêu chí số 02: Mô hình ấp thông minh**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

- Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động trên địa bàn ấp có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ≥ 85%.

- Thành lập và triển khai hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Có hệ thống camera giám sát an ninh hoặc camera AI phục vụ giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn ấp.

**b) Kết quả thực hiện**

Trên địa bàn xã Bình An có 04 ấp: ấp An Viễng và ấp An Bình. Do vị trí địa hình 04 ấp trên địa bàn xã cách nhau xa nên xã Bình An đã chọn ấp An Bình để xây dựng mô hình ấp thông minh đạt các tiêu chí:

*- Về tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động trên địa bàn ấp có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:*

Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động trên địa bàn ấp An Bình có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 1.581 thuê bao/1.860 người, đạt 85%.

*- Về thành lập và triển khai hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng:*

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND xã Bình An về chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn xã Bình An đến năm 2023.

Qua đó UBND xã Bình An ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 12/04/2023 của UBND xã Bình An về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc chuyển đổi số xã Bình An và ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Bình An nhằm quy định cụ thể nhiệm vụ của từng thành viên BCĐ trong việc chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã. Trong đó đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; các Phó ban là Phó Chủ tịch UBND xã; thành viên Ban chỉ đạo là các đồng chí là Thành viên UBND xã, cán bộ công chức xã, Hiệu trưởng các trường học và Trưởng ban nhân dân các ấp nhằm thực hiện các nhiệm vụ trong chuyển đổi số trên địa bàn xã.

UBND xã đã thành lập 04 Tổ công nghệ số cộng đồng theo các Quyết định số 17, 18, 19, 20/QĐ-UBND ngày 12/04/2023 về việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng Ấp An Bình, Sa Cá, Bàu Tre, An Viễng và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 14/04/2023 về việc thành lập Đội Thanh niên xung kích tuyên truyền về chuyển đổi số xã Bình An, Giai đoạn 2023-2025.

Tổ Công nghệ số cộng đồng ấp An Bình được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/04/2023 gồm 04 thành viên. Tổ trưởng do đồng chí Bí thư Chi Bộ, Trưởng ấp đảm nhiệm, các thành viên tổ gồm Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, Bí thư Chi đoàn ấp, Chi hội Trưởng Chi hội Phụ nữ ấp. Tổ công nghệ số cộng đồng ấp An Bình thực hiện các nhiệm vụ được giao trên địa bàn ấp, hỗ trợ, phối hợp trong việc triển khai, tuyên truyền trong việc hỗ trợ triển khai nền tảng số, công nghệ số, hướng dẫn kỹ năng số đến người dân.

Thông tin, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trong ấp được 5 lượt với hơn 210 người tham dự.

*Về thực hiện hướng dẫn Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số:*

Chính quyền số: cùng phối hợp triển khai được 04 đợt đến nhân dân những chính sách của Đảng ủy, chính quyền xã về chuyển đổi số trên địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số và tương tác với chính quyền qua các nền tảng số được đánh giá và lựa chọn.

Về kinh tế số: hướng dẫn 05 lượt hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn số để đăng ảnh, quảng bá sản phẩm; hướng dẫn ứng dụng công nghệ số đăng ký tham gia mở tài khoản điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Về xã hội số: hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt, sử dụng các dịch vụ số phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch... đảm bảo an toàn thông tin trong việc tham gia khai thác các ứng dụng nền tảng số.

Thực hiện hướng dẫn trên 1.000 lượt nhân dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2; cài đặt, sử dụng các ứng dụng mạng xã hội như zalo, truy cập trang Fanpage của ấp, xã để truy cập các thông tin cần thiết để tạo ra các nhóm mạng xã hội phục vụ cho hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

*Có hệ thống camera giám sát an ninh hoặc camera AI phục vụ giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn ấp*

UBND xã có tờ trình số 61A/Ttr-UBND ngày 25/04/2023 trình cho Đảng Ủy xã và Hội Đồng nhân dân xã xin chủ trương lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn xã.

UBND xã ban hành kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 08/05/2023 của UBND xã về việc thực hiện xã hội hóa hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã Bình An. Thông báo số 12/TB-UBND ngày 11/05/2023 của UBND xã về việc thực hiện kế hoạch xã hội hóa hệ thống Camera an ninh trên địa bàn xã Bình An.

Tháng 6 năm 2023 UBND xã Bình An tổ UBND xã đã thực hiện hợp đồng số: 05/2023/HĐKT giữa UBND xã Bình An và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Công Nghệ Hưng Thịnh Phát do ông Trương Hồng Anh làm đại diện và có địa chỉ tại Số 27, đường Lê Duẩn, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai về việc thị công hệ thống camera an ninh tại xã Bình An. Với tổng giá trị hợp đồng (kinh phí thực hiện): 120.000.00 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Hệ thống camera giám sát an ninh xã Bình An có 40 điểm lắp đặt camera an ninh tại các vị trí dọc tuyến đường tỉnh lộ ĐT769 và các tuyến đường trọng điểm trên địa bàn, tất cả được kết nối về máy chủ tại Công an xã để quản lý và giám sát tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, hệ thống kết nối đảm bảo chất lượng, âm thanh, hình ảnh và đường truyền ổn định, đáp ứng yêu cầu giám sát 24/24 giờ liên tiếp trong nhiều ngày. Đồng thời tuyên truyền vận động người dân chung tay bảo vệ an ninh trật tự bằng các đợt ra quân tuyên truyền, phát động các phong trào, đặc biệt khuyến khích người dân lắp đặt camera an ninh tại khuôn viên nhà và trước khuôn viên nhà nhằm đảm bảo công tác phòng chống tội phạm trên địa bàn xã hiệu quả...Trong đó: ấp An Viễng được lắp đặt được 13 cái, ấp An Bình lắp đặt được 12 cái, ấp Bàu Tre lắp đặt được 07 cái, và ấp Sa Cá lắp đặt được 08 cái. Mục đích nhằm phục vụ công tác an ninh trật tự, ATXH, phòng chống tội phạm, giao thông trên địa bàn xã. Qua công tác triển khai xây dựng hệ thống camera an ninh để quản lý, tình hình an ninh được đảm bảo, công tác tố giác tội phạm được nâng cao, cung cấp tài liệu hình ảnh cho cấp trên trong việc bảo vệ an ninh trật tự một cách thường xuyên và liên tục.

Đến nay đã hoàn thành lắp đặt 40 điểm camera an ninh trên địa bàn xã. Hiện nay Công an xã đang khảo sát để tiếp tục thực hiện lắp đặt thêm 15 điểm khác trên địa bàn xã.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**3. Tiêu chí số 03**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Có ít nhất 01 khu dân cư kiểu mẫu được công nhận.

**b) Kết quả thực hiện**

***- Tình hình tổ chức triển khai:***

Năm 2023, Ban Phát triển 04 ấp trên địa bàn đã đăng ký với BCĐ xây dựng nông thôn mới xã, UBND xã về việc thực hiện xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn ấp.

Đảng uỷ xã thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới xã, trong đó ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, song song công tác giữ vững kết quả thực hiện các Bộ tiêu chí đã đạt được, xác định nhiệm vụ trọng tâm của Ban chỉ đạo trong năm 2023 là xây dựng thành công Khu dân cư kiểu mẫu. Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ đạo xã phối hợp với UBND xã, các ban ngành, đoàn thể và Ban quản lý ấp tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện từng chỉ tiêu tại Khu dân cư từ đó ban hành Phương án xây dựng Khu dân cư đạt chuẩn, được UBND xã phê duyệt.

UBMTTQ xã, UBND xã, các đoàn thể xã đã tổ chức triển khai tuyên truyền phổ biến đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đặc biệt là người dân trong khu dân cư kiểu mẫu, nhằm giúp cho nhân dân hiểu rõ hơn về mục đích ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích có được của việc xây dựng khu dân cư kiểu mẫu. Nội dung triển khai là các Nghị quyết, Kế hoạch và các văn bản của các cấp. Hình thức tuyên truyền được thể hiện bằng nhiều cách như: thông qua hội họp các chi bộ, đoàn thể và tổ nhân dân; thông qua hệ thống đài truyền thanh của xã, ấp; thông qua tờ tin nội bộ hàng tháng.

UBND xã phối hợp với Ban quản lý ấp thường xuyên tổ chức các buổi họp dân tại Khu dân cư nhằm phổ biến đến người dân về các yêu cầu, chỉ tiêu đánh giá xây dựng đạt chuẩn Khu dân cư, lấy ý kiến đóng góp của dân cư nhằm xây dựng Phương án thực hiện sao cho phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của người dân, lấy ý kiến Long Thành về các khoản đóng góp trong Khu dân cư như tham gia làm hệ thống đèn chiếu sáng, xây dựng đường bê tông, trồng cây xanh....

Qua công tác học tập quán triệt, tổ chức tuyên truyền và những kết quả xây dựng nông thôn mới đã đạt được trước đây đã tác động rất mạnh đến nhận thức của người dân. Người dân trong khu dân cư đã ý thức hơn, chủ động hơn trong việc thực hiện, chấp hành các chủ trương, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới nói chung, khu dân cư kiểu mẫu nói riêng, cũng như các chủ trương chính sách của Nhà nước trên các lĩnh vực.

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:

Đến cuối năm 2023, xã Bình An đã được UBND huyện Long Thành công nhận đạt chuẩn 02 khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 20/03/2024, đến nay giữ vững kết quả thực hiện đạt 7/7 tiêu chí; 15/15 chỉ tiêu theo yêu cầu của bộ tiêu chí. Cụ thể:

- Khu dân cư kiểu mẫu ấp An Viễng gồm 05 tổ: tổ 1, 2, 3, 4 và 5 thuộc ấp An Viễng có diện tích 18,62 ha, tổng số dân cư trong khu dân cư là 183 hộ, với 775 nhân khẩu.

- Khu dân cư kiểu mẫu ấp An Bình gồm 03 tổ: tổ 3, 4 và 5 thuộc ấp An Bình có diện tích 43,6 ha, tổng số dân cư trong khu dân cư là 106 hộ, với 463 nhân khẩu.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**4. Tiêu chí số 04**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Tỷ lệ hộ dân xây dựng cảnh quan, nơi ở xanh – sạch – đẹp ≥ 90%.

**b) Kết quả thực hiện**

- Tình hình tổ chức triển khai:

Vào các ngày cuối tuần UBND xã phối hợp với UBMTTQ xã, các đoàn thể xã, Ban quản lý 04 ấp, các tổ trưởng địa bàn dân cư cùng nhân dân trên địa bàn tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường ,thường xuyên ra quân phát quang bụi rậm, cắt cỏ, quyét dọn, khơi thông cống rãnh, trồng cây, hoa dọc các tuyến đường, những nơi đất trống; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân chỉnh trang, trồng cây xanh, hoa phía trước khuôn viên của nhà mình; kết quả đã có 1.000 lượt người ra quân phát quang hành lang đường, dọn cỏ rác các tuyến đường khu dân cư.

Vận động nhân dân tu sửa, xây mới tường rào, trồng cây xanh và vệ sinh phần lề đường trước nhà, ngõ. Vận động nhân dân khơi thông cống rãnh, khơi dòng thoát nước mưa để bảo vệ các tuyến đường trong mùa mưa; vận động nhân dân tham gia thu gom rác và thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

- Hội LHPN xã phối hợp với Ban quản lý ấp tổ chức tuyên truyền, vận động lồng ghép tại các cuộc họp của chi, tổ Hội phụ nữ ấp cũng như trên các phương tiện thông tin như Facebook, zalo...đến hội viên phụ nữ, triển khai thực hiện hiệu quả cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 có, 3 sạch” góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn, các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến xây dựng Nông thôn mới và những tiêu chí Hội có thể tham gia, kiến thức xây dựng gia đình 5 có 3 sạch, gia đình đạt gia đình văn hóa, giữ ANTT không vi phạm pháp luật và TNXH.

Hàng năm, Hội LHPN xã đã cùng UBND, các ban ngành đoàn thể xã lồng ghép các buổi tuyên truyền tại địa bàn với hơn 40 người mỗi lượt người tham dự. Các buổi tuyên truyền cũng góp phần tác động đến nhận thức của người dân, tạo sự đồng thuận và phấn khởi cũng như tranh thủ sự ủng hộ, hưởng ứng của người dân vào việc xây dựng nông thôn mới.

UBND xã phối hợp Khối Vận xã xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện 3-4 đợt làm công tác dân vận để dọn dẹp vệ sinh nơi công cộng, trồng hoa dọc theo các tuyến đường; kết quả đã có 1.000 lượt người ra quân phát quang hành lang đường, dọn cỏ rác các tuyến đường, khu dân cư tập trung. Bên cạnh đó còn thường xuyên vận động nhân dân dọn dẹp vệ sinh, trồng hoa, cây cảnh dọc theo các tuyến đường, tham gia quản lý các tuyến đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm lề đường, vứt rác bừa bãi. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã cũng đã phân công cụ thể cho Công đoàn xã, các đoàn thể xã, Ban Công an-Quân sự xã phụ trách từng tuyến đường trong khu dân cư, qua thời gian thực hiện các đơn vị, đoàn thể phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên cùng tham gia dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ xóm, trước và trong khuôn viên nhà ở, trồng và chăm sóc cây xanh tại các tuyến đường hoa của đơn vị quản lý một cách thật hiệu quả, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đối với mỗi tuyến đường; đến nay đã trồng 3.862 cây xanh trên các tuyến đường gồm cây Hồng Lộc, cây Hoàng Yến, cây Mai Vạn Phúc, Vàng anh lá đốm…, các thảm xanh: bông Đậu, bông Mười Giờ và các loại cây hoa, cây xanh khác do các hộ dân tự trồng theo sở thích của từng hộ gia đình. Việc làm này đã khơi dậy tinh thần tự giác giữ gìn vệ sinh môi trường của các hộ dân dọc 2 bên đường.

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:

+ Số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ... và được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý là 40.373 km/48.571 km, đạt 83%

+ Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ 40.373 km/48.571 km tuyến, đạt 83%.

+ Các tuyến còn lại: 8.198 km đường giao thông chưa có mương, rãnh thoát nước đã được đảm bảo khả năng thoát nước, không bị ngập úng.

+ Diện tích trồng cây xanh 4,5m2/người.

+ Số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh: 1.962 hộ/2.133 hộ, đạt 91,98%.

**c) Tự đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**5. Tiêu chí số 05**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ≥ 70%.

**b) Kết quả thực hiện**

- Trên địa bàn xã có 1.593 hộ/2.133 hộ tham gia thu gom chất thải rắn, đạt tỷ lệ 74,6%. Còn lại 540 hộ/2.133 hộ cam kết tự xử lý tại gia đình, đạt tỷ lệ 25,3%.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**6. Tiêu chí số 06**

**a) Yêu cầu của Tiêu chí**

Tỷ lệ các tuyến đường xã, ấp (trục xã, trục ấp, ngõ xóm, ấp) có rãnh thoát nước ≥ 70%.

**b) Kết quả thực hiện**

Tổng chiều dài các tuyến đường xã (trục xã, ấp, ngõ xóm) là 51.382 km và được đầu tư xây dựng mương, rãnh thoát nước là: 43.473km đạt 85%, Trong đó:

- Đường trục xã, liên xã là 11.036 km mương/12.547 km đường giao thông đạt tỷ lệ 88%.

- Đường trục thôn, ấp là 9.307 km mương/11.147 km đường giao thông đạt tỷ lệ 76%

- Đường ngõ xóm là 14.090 km mương, rãnh thoát nước/18.648 km đường giao thông đạt tỷ lệ 100%

- Đường trục chính nội đồng là 9.04 km mương, rãnh thoát nước/9.04 km đường giao thông đạt tỷ lệ 100 %

Các hệ thống mương, rãnh thoát nước (43.473 km mương/51.382 km đường giao thông) luôn đảm bảo khả năng khai thác hiệu quả, không bị tắc nghẽn, được vệ sinh, khơi thông dòng chảy thường xuyên.

Các tuyến còn lại: 7.909 km đường giao thông chưa có mương, rãnh thoát nước đã được đảm bảo khả năng thoát nước, không bị ngập úng.

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**7. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về lĩnh vực y tế**

Lĩnh vực y tế mang tính chất nổi trội được địa phương lựa chọn xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Bởi lẽ, theo quan điểm của Đảng ta, mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Chăm lo cho con người được xem là thước đo sự phát triển, tính nhân văn của mỗi quốc gia. Trước hết phải làm cho con người có thể lực tốt, đây là tiêu chí đầu tiên của chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội, là tiền đề sinh học để phát triển trí tuệ, trí thông minh và nhân cách nói chung của mỗi con người. Trong việc chăm lo cho con người nói chung thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, những chủ nhân tương lai của đất nước là nhiệm vụ rất quan trọng. Vì Vậy hàng năm Đảng ủy, UBND xã luôn xem đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng tại địa phương.

Bên cạnh đó, Trạm y tế xã đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, với diện tích là 2.910,15m2, diện tích xây dựng 340m2, đã được xây dựng với đầy đủ phòng chức năng và trang thiết bị; trạm y tế có 14 phòng chức năng và 10 giường bệnh, có 06 cán bộ y tế, trong đó có 01 bác sỹ, 03 y sỹ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số.

Trạm Y tế xã có các trang thiết bị theo danh mục của trạm y tế tuyến xã theo quy định, ở đây còn có “Vườn thuốc Nam” của Trạm Y tế xã được duy trì nhiều năm qua, hiện có đến hơn 30 loại cây thuốc được chăm sóc tại đây.

Ngoài thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân, Trạm Y tế xã cũng đã triển khai mô hình tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho 7.840 người, bằng 95,56% dân số trên địa bàn xã. Các cán bộ của trạm đã hướng dẫn cho hơn 800 lượt người sử dụng thuốc Nam để điều trị một số bệnh thông thường.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có 12 quầy thuốc tư nhân đạt chuẩn GDP, 01 cơ sở chuyên cung cấp dụng cụ y khoa đạt chuẩn theo quy định, góp phần tạo điều kiện hỗ trợ chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn xã, cung cấp các loại thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo đúng quy định, các loại thực phẩm chức năng phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân trên địa bàn cũng như quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có 01 trường Mầm non công lập tạo điều kiện để công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ ngày càng đi vào nề nếp công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân nhất là trẻ em luôn được Đảng, chính quyền quan tâm thực hiện thường xuyên.

**a) Yêu cầu của nhóm Tiêu chí**

- Trạm Y tế xã đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 11%.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 95%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥ 95%.

**b) Kết quả thực hiện**

- Tình hình tổ chức triển khai:

UBND xã đã triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn về chương trình y tế Quốc gia. Tiếp tục triển khai vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế và tiến hành rà soát thống kê số lượng người tham gia BHYT ở các bệnh viện tuyến trên.

100% các cán bộ, đảng viên, hội viên nòng cốt của các ban, ngành đoàn thể đều tham gia Bảo hiểm Y tế. Đồng thời phát tờ rơi, tuyên truyền trên đài truyền thanh xã mỗi ngày 30 phút.

Khởi động việc xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử vào năm 2022; định kỳ hàng năm, việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân thường xuyên được thực hiện. Qua việc quản lý, Trạm Y tế xã có thể biết được bệnh sử, lịch sử tiêm chủng, bệnh di truyền và nhiều thông tin khác phục vụ tốt cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của mỗi người dân ở địa phương”; hầu hết nhân viên y tế trạm đã thành thạo công việc và sử dụng phần mềm hiệu quả. Quá trình thực hiện cũng có thuận lợi, người dân đều hợp tác”.

Tổ chức tiêm phòng đủ, đúng theo định kỳ; 100% trẻ được tiêm đầy đủ các loại vác xin theo quy định. Tổ chức khám, chữa bệnh ban đầu chu đáo-nhiệt tình; phân công cán bộ y tế xã phối hợp với các đòan thể thường xuyên thăm hỏi, động viên và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh; hàng tháng thực hiện cân đo trẻ theo đúng quy trình để theo dõi số trẻ suy dinh dưỡng.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn xã năm 2021 với các công tác như vận động người dân tiêm phòng vaccine, thực hiện tốt khẩu hiệu “5K” và các biện pháp phòng, chống dịch khác...

Trạm Y tế xã kết hợp với Trung tâm Y tế huyện định kỳ hàng tháng thực hiện tốt công tác cân đo trẻ theo đúng quy trình để theo dõi số trẻ suy dinh dưỡng theo từng tháng. Công tác tuyên truyền về dân số thường xuyên được quan tâm. Các chương trình tuyên truyền không sinh con thứ 3, không lựa chọn giới tính thai nhi, nuôi dạy con theo phương pháp khoa học được thực hiện tốt. Hàng tháng Trạm y tế xã lên kế hoạch cân đo đối với 2 nhóm trẻ bé, nhỡ; từng quý đối với nhóm lớn và các lớp mẫu giáo để đánh giá xếp loại thể lực cho trẻ. Đồng thời liên hệ với trung tâm y tế huyện, các phòng khám đa khoa tổ chức khám sức khỏe miễn phí cho trẻ theo định kỳ nhằm phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, nắm bắt tình hình sức khỏe một cách kịp thời.

Sau khi cân đo trẻ theo kế hoạch từng tháng, từng quý,Trạm y tế tổng hợp thể lực của tất cả các trẻ trong độ tuổi trên địa bàn xã để theo dõi và nắm tình hình sức khỏe của trẻ qua biểu đồ tăng trưởng và số lượng cụ thể của trẻ về tình hình tăng, đứng, sụt cân để có giải pháp tốt hơn trong công tác chăm sóc trẻ. Phải tìm nguyên nhân không tăng cân của trẻ để có những giải pháp can thiệp kịp thời. Tuyên truyền cho nhân dân các phương pháp, cách thức chăm sóc trẻ đúng cách. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ qua các giờ học và giờ hoạt động tại các trường theo từng độ tuổi.

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:

Xã có 01 Trạm y tế diện tích là 2.910,15m2, diện tích xây dựng 340m2, đã được xây dựng với đầy đủ phòng chức năng và trang thiết bị; trạm y tế có 14 phòng chức năng và 10 giường bệnh, có 06 cán bộ y tế, trong đó có 01 bác sỹ, 03 y sỹ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số; Trạm y tế xã đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt 9,1%, 45/494 trẻ.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 95,56%, toàn xã có 7.840/8.204 người được quản lý, theo dõi sức khỏe.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 95,56% (7.840/8.204 người).

**c) Đánh giá:** So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai: Đạt.

**5. Về Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trong thời gian tới.**

- Tiếp tục vận động nhân dân đóng góp kinh phí để bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội đồng, phấn đấu 100% các tuyến đường nồi đồng được bê tông hoặc nhựa hóa theo quy hoạch; duy tu, sửa chữa các tuyến đường nhựa, bê tông nhằm đảm bảo an toàn giao thông cho nhân dân.

- Vận động nhân dân nhân rộng các tuyến đường  sáng-xanh-sạch-đẹp theo mô hình mẫu trên địa bàn, đảm bảo tất cả các tuyến đường trục thôn xóm, ngõ xóm sáng-xanh-sạch-đẹp, cảnh quan hộ gia đình xanh-sạch-đẹp từ đó xây dựng thành công thêm các Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn.

- Tiếp tục vận động nhân dân đóng góp làm các đường điện chiếu sáng công cộng, đến năm 2020 đạt 100% tổng số các tuyến đường ngõ, xóm.

- Vận động nhân dân sử dụng nước sạch tập trung, 100% hộ gia đình đều được sử dụng nước sạch theo quy định.

- Tăng cường áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia kinh tế hợp tác để nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp xã trên thị trường; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn xã.

- Vận động nhân dân mua bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

- Lồng ghép các chính sách, chương trình vào các hoạt động của xã để thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững. Phối hợp thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội.

- Duy trì tỷ lệ 100% trẻ 3-5 tuổi và trên 50% trẻ từ 12-36 tháng tuổi ra lớp.

- Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, giữ vững 4/4 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa, từ 99% trở lên hộ dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về việc xây dựng các tuyến đường mẫu trên địa bàn xã. Duy trì việc thường xuyên phát động các đợt làm công tác dân vận để đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường nông thôn.

- Giải quyết kịp thời và dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu nại, đảm bảo an ninh trật tự nông thôn. Phối hợp MTTQ và các đoàn thể tiếp tục phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự xã hội.

- Đảm bảo thực hiện giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

**II. KẾT LUẬN.**

1.Về hồ sơ: UBND xã Bình An thực hiện hồ sơ đảm bảo đúng quy đạt và đạt yêu cầu theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí duy trì xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tổng số tiêu chí duy trì, nâng chất xã nông thôn mới nâng cao của xã Bình An đã được UBND huyện Long Thành thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

- Tổng 6/6 tiêu chí chung và đạt 4/4 chỉ tiêu thuộc lĩnh vực nỗi trội về y tế đã được các phòng, ban, đơn vị thẩm tra và trình UBND huyện có quyết định công nhận đạt.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND xã Bình An không có tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

**III. KIẾN NGHỊ**

Qua kết quả thẩm tra 19 tiêu chí xây dựng nông thôn nâng cao của xã Phước Thái đã thực hiện. Đối chiếu với các quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025. Ủy ban nhân dân huyện Long Thành đề nghị xét công nhận xã Bình An đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu lĩnh vực y tế năm 2024.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về y tế năm 2024 đối với xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh;  - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;  - Chánh, Phó Văn Phòng;  - Thành viên Ban Chỉ đạo NN, ND, NT và XD Nông thôn mới huyện;  - Phòng Kinh tế huyện (03 bản chính);  - Ủy ban nhân dân xã Bình An;  - Lưu VT-NN (PKT). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trần Văn Thân** |